BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-BXD	*Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Tổng kết việc thi hành pháp luật về cấp, thoát nước

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đã tổ chức tổng kết việc thi hành pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải để phục vụ xây dựng dự án Luật Cấp, thoát nước. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến việc thi hành pháp luật về cấp, thoát nước

1.1. Bối cảnh quốc tế

Trên thế giới, bảo đảm an ninh nguồn nước, cung cấp nước sạch an toàn, quản lý thoát nước, thu gom và xử lý nước thải ngày càng được coi là yêu cầu trọng yếu trong phát triển bền vững, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc đã xác định Mục tiêu phát triển bền vững số 6 (Sustainable Development Goals - SDGs) là bảo đảm khả năng tiếp cận nước sạch, vệ sinh môi trường và quản lý bền vững tài nguyên nước cho mọi người. Trong đó, SDG 6.1 đặt mục tiêu cấp nước an toàn cho toàn dân đến năm 2030; SDG 6.3 yêu cầu cải thiện chất lượng nước, giảm 50% lượng nước thải chưa qua xử lý vào năm 2030. Đây là cơ sở quan trọng để các quốc gia hoàn thiện chính sách, pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm tài nguyên nước và các hiện tượng thời tiết cực đoan, nhiều quốc gia đã chuyển từ phương thức quản lý cấp nước, thoát nước riêng lẻ sang quản lý tổng hợp theo hệ thống, theo lưu vực và theo chuỗi dịch vụ. Cách tiếp cận này gắn kết giữa bảo vệ nguồn nước, cấp nước an toàn, thoát nước đô thị, xử lý nước thải, tái sử dụng nước, kiểm soát ngập úng và phục hồi hệ sinh thái nước.

Kinh nghiệm quốc tế được nghiên cứu cho thấy nhiều quốc gia đã hình thành khung pháp lý tương đối đầy đủ cho cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, nhưng mô hình pháp luật và tổ chức quản lý có sự khác nhau. Các nội dung thường được điều chỉnh gồm phân định trách nhiệm quản lý; yêu cầu về chất lượng, an toàn và tính liên tục của dịch vụ; quản lý tài sản, đầu tư và vận hành; cơ chế giá và bảo vệ người sử dụng. Kinh nghiệm này chỉ có giá trị tham khảo; sự cần thiết xây dựng Luật Cấp, thoát nước của Việt Nam được xác định chủ yếu từ kết quả

tổng kết pháp luật và thực tiễn trong nước.

Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, xu hướng chung là tăng cường quản lý theo lưu vực, kiểm soát ô nhiễm tại nguồn, nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải. Nhiều quốc gia đã coi nước thải sau xử lý là nguồn tài nguyên có thể tái sử dụng cho tưới cây, rửa đường, bổ cập nguồn nước, sản xuất công nghiệp hoặc các mục đích phù hợp khác, qua đó góp phần giảm áp lực khai thác nguồn nước tự nhiên và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nước.

Biến đổi khí hậu cũng làm thay đổi mạnh mẽ cách tiếp cận trong quản lý cấp nước và thoát nước đô thị. Nhiều quốc gia đã phát triển các giải pháp bảo đảm cấp nước an toàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua đa dạng hóa nguồn nước, bảo vệ nguồn nước thô, phát triển hệ thống cấp nước liên vùng, liên tỉnh, hồ chứa và nguồn nước dự phòng. Các giải pháp này nhằm bảo đảm cấp nước liên tục, an toàn, giảm rủi ro do hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, sự cố hạ tầng và các tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu. Về thoát nước và xử lý nước thải cũng có nhiều quốc gia đã phát triển các giải pháp thoát nước bền vững, hạ tầng xanh, hồ điều hòa, không gian trữ nước, bản đồ ngập, hệ thống cảnh báo sớm và mô hình dự báo ngập để giảm thiểu rủi ro do mưa lớn, lũ đô thị và nước biển dâng. Việc quản lý ngập úng đô thị không chỉ được xem là vấn đề kỹ thuật thoát nước mà còn là nội dung quan trọng trong quy hoạch, quản lý đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cùng với đó, chuyển đổi số đang trở thành xu hướng quan trọng, không thể đảo ngược trong quản lý ngành nước. Nhiều quốc gia đã ứng dụng hệ thống thông tin địa lý, cảm biến, SCADA, IoT, mô hình thủy lực, trí tuệ nhân tạo và cơ sở dữ liệu tập trung để giám sát chất lượng nước, quản lý tài sản hạ tầng, dự báo nhu cầu dùng nước, cảnh báo sự cố, kiểm soát thất thoát nước và vận hành hệ thống thoát nước (HTTN) theo thời gian thực. Những xu hướng quốc tế nêu trên cho thấy yêu cầu hoàn thiện pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải ở Việt Nam cần được đặt trong tổng thể bảo đảm an ninh nguồn nước, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Đây là cơ sở quan trọng để tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành và đề xuất hoàn thiện khung pháp lý thống nhất, đồng bộ cho lĩnh vực cấp, thoát nước (cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải) trong thời gian tới.

1.2. Bối cảnh trong nước

Trong thời gian qua, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội đã làm gia tăng mạnh nhu cầu sử dụng nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung (trong đó có cả các làng nghề). Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đã trở thành dịch vụ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, có tác động trực tiếp đến sức khỏe nhân dân, chất lượng môi trường

sống, an ninh nguồn nước, an toàn đô thị và phát triển bền vững.

Hệ thống pháp luật hiện hành về cấp nước, thoát nước ***(bao gồm thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải)*** đã từng bước được hình thành, trong đó Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải là các văn bản pháp lý chủ yếu điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực này. Trên cơ sở các nghị định nêu trên, Bộ Xây dựng, các bộ, ngành và địa phương đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết, chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu mới ở cấp nghị định, thông tư; nhiều nội dung liên quan còn phân tán tại các luật chuyên ngành khác như pháp luật về xây dựng, quy hoạch, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, giá, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu, đất đai và quản lý tài sản công.

Thực tiễn thi hành pháp luật cho thấy lĩnh vực cấp nước đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Mạng lưới cấp nước đô thị được mở rộng, chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao; nhiều địa phương đã quan tâm lập quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước, thực hiện cấp nước an toàn, điều chỉnh giá nước sạch và thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư.

Hiện cả nước có hơn 250 doanh nghiệp cấp nước, vận hành trên 1.000 nhà máy nước, với tổng công suất khoảng 13,2 triệu m^3/ngày; tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch đạt khoảng 95%. Mạng lưới cấp nước đô thị đã được mở rộng đến nhiều khu vực dân cư ngoại thành và khu vực nông thôn lân cận; nhiều địa phương đã đầu tư bổ sung nguồn, nhà máy, tuyến ống truyền tải, mạng phân phối, công trình dự phòng và từng bước cải thiện khả năng cấp nước liên tục, ổn định.

Đối với cấp nước nông thôn, theo số liệu do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp, cả nước có 17.588 công trình cấp nước tập trung nông thôn. Đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 97,9%; tỷ lệ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 73,5%, gồm 54,4% từ công trình cấp nước tập trung và 19,1% từ cấp nước quy mô hộ gia đình. Mô hình quản lý công trình tập trung rất đa dạng: đơn vị sự nghiệp công lập quản lý 1.727 công trình, doanh nghiệp và tư nhân 2.680 công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã 5.437 công trình, cộng đồng 7.460 công trình và hợp tác xã 284 công trình. Phần lớn công trình có quy mô nhỏ, phân tán; nguồn thu, nhân lực kỹ thuật và kinh phí bảo trì còn hạn chế, ảnh hưởng đến tính bền vững và khả năng kiểm soát chất lượng nước.

Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, các địa phương đã từng bước đầu tư hệ thống thoát nước, nhà máy xử lý nước thải, cải tạo mạng lưới thoát nước và ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn. Một số đô thị lớn đã triển khai các dự án thoát nước, chống ngập, xử lý nước thải bằng nguồn vốn ngân sách, ODA và các nguồn vốn khác. Tuy nhiên, hệ thống thoát nước tại phần lớn đô thị vẫn là hệ thống thoát nước chung; tỷ lệ nước thải đô thị được thu

gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật còn thấp, mới đạt khoảng 18%; cả nước có 83 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang vận hành với tổng công suất thiết kế khoảng 2,064 triệu m^3/ngày; nhiều nhà máy xử lý nước thải chưa khai thác hết công suất do mạng lưới thu gom, đấu nối chưa đồng bộ; công tác quản lý bùn thải, nước mưa, nước thải sau xử lý, tái sử dụng nước và quản lý ngập úng đô thị còn thiếu quy định đầy đủ, thống nhất.

Bối cảnh biến đổi khí hậu, mưa cực đoan, triều cường, xâm nhập mặn, hạn hán và ô nhiễm nguồn nước đang đặt ra yêu cầu mới đối với quản lý cấp nước, thoát nước. Tình trạng ngập úng đô thị vẫn diễn ra tại nhiều địa phương; ô nhiễm nước mặt tại một số lưu vực sông, kênh, rạch nội đô ảnh hưởng đến môi trường sống và khả năng khai thác nguồn nước cấp. Trong khi đó, cơ chế pháp lý về quản lý ngập úng đô thị, tiêu chí đánh giá mức độ ngập, trách nhiệm quản lý ngập, quản lý theo lưu vực, liên kết vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu chưa được quy định đầy đủ.

Bên cạnh đó, yêu cầu chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh và quản lý hạ tầng kỹ thuật trên nền tảng dữ liệu số đặt ra nhiệm vụ mới cho lĩnh vực cấp nước, thoát nước. Cơ sở dữ liệu hiện còn phân tán; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa trung ương, địa phương và đơn vị quản lý vận hành chưa đồng bộ; ứng dụng GIS, SCADA, IoT, mô hình số và trí tuệ nhân tạo mới triển khai ở một số địa phương, doanh nghiệp. Nhiều công trình ngầm được xây dựng qua nhiều thời kỳ, hồ sơ chưa được số hóa đầy đủ, gây khó khăn cho quản lý vận hành, bảo trì, bàn giao và xử lý xung đột hạ tầng. Do đó, cần xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, dùng chung, có nguồn gốc, phiên bản, chất lượng và khả năng truy xuất; số hóa dữ liệu không gian và tài sản theo lộ trình phù hợp với loại, cấp, quy mô, mức độ rủi ro của công trình, đồng thời bảo đảm kết nối với hệ thống dữ liệu liên quan.

Mặt khác, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu phân cấp, phân quyền mạnh hơn cho địa phương, cùng với việc sửa đổi, ban hành mới nhiều luật quan trọng như Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Giá, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật về đầu tư, tài sản công, dữ liệu và chuyển đổi số đã làm phát sinh yêu cầu rà soát, điều chỉnh các quy định hiện hành về cấp nước, thoát nước để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Kết quả tổng kết được phân tích theo ba nhóm nguyên nhân: quy định pháp luật; tổ chức thi hành; nguồn lực và điều kiện hạ tầng. Các vấn đề gồm chất lượng, tính liên tục của cấp nước; đấu nối, thu gom, xử lý nước thải; ngập úng; bảo vệ nguồn nước và khả năng đầu tư. Hạn chế về năng lực vận hành, bảo trì và phối hợp được xem xét trước hết bằng công cụ thi hành pháp luật hiện hành. Kiến nghị ở cấp luật tập trung vào nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và thẩm quyền đặc thù cần thiết.

Từ thực tiễn nêu trên, cần tổng kết đầy đủ việc thi hành pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, xác định kết quả, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và yêu cầu hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quản lý, vận hành hệ thống; dịch vụ và giá; nguồn lực đầu tư; bảo đảm an ninh, an toàn và quản lý nhà nước. Đây là cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng dự án Luật Cấp, thoát nước.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Xây dựng tổ chức tổng kết thi hành pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên cơ sở rà soát Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn và quy định pháp luật có liên quan; đồng thời tổng hợp tình hình quản lý, đầu tư, vận hành hệ thống và cung cấp dịch vụ trên thực tế.

Từ năm 2023, Bộ Xây dựng đã tổ chức rà soát, tổng kết việc thi hành pháp luật lĩnh vực cấp, thoát nước trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội. Bộ Xây dựng đã ban hành kế hoạch, gửi văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất nội dung xây dựng Luật Cấp, thoát nước. Phạm vi tổng kết tập trung vào việc tổ chức thi hành các quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, cùng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Ngày 28/10/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2061/QĐ-TTg về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027. Bộ Xây dựng được giao chủ trì soạn thảo dự án Luật Cấp, thoát nước; thời hạn trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật trong tháng 01/2027, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 02/2027, dự kiến Quốc hội khóa XVI xem xét tại Kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2027).

Bộ Xây dựng đã ban hành kế hoạch tổng kết, xây dựng đề cương báo cáo gửi các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan để tổng hợp tình hình thực hiện. Đồng thời, Bộ Xây dựng tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề; làm việc trực tiếp với một số địa phương, doanh nghiệp cấp nước, thoát nước, đơn vị quản lý vận hành và các tổ chức nhằm thu thập thông tin, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật.

Quá trình tổng kết cũng được thực hiện thông qua việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế; tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát; tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp để đánh giá mức độ phù hợp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các quy định hiện hành.

Trên cơ sở kết quả tổng kết, Bộ Xây dựng đã tổng hợp, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân của các tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện; đồng thời xác định những vấn đề mới phát sinh trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu hội nhập quốc tế, làm cơ sở đề xuất định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật và xây dựng Luật Cấp, thoát nước.

Bộ Xây dựng đã lấy ý kiến và tổng hợp thông tin từ cơ quan Quốc hội, bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và chuyên gia trong quá trình tổng kết. Theo số liệu tổng hợp từ các đợt tham vấn năm 2026, đã có ý kiến của 22 cơ quan, đơn vị ở trung ương, 45 văn bản của 44 cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương và các tổ chức có liên quan; cơ quan nhà nước tại 29/34 tỉnh, thành phố có phản hồi; hội nghị ngày 17/7/2026 ghi nhận 48 phiếu tham vấn và ý kiến trực tiếp. Các ý kiến cung cấp thêm căn cứ về tổ chức quản lý, nguồn lực đầu tư, chất lượng dịch vụ, giá, dữ liệu và trách nhiệm phối hợp.

Song song với tổng kết thực tiễn, Bộ Xây dựng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế và văn bản định hướng liên quan để đối chiếu phạm vi điều chỉnh, thẩm quyền và quan hệ với pháp luật về quy hoạch, tài nguyên nước, môi trường, thủy lợi, xây dựng, đất đai, giá, ngân sách, đầu tư, PPP, tài sản công và dữ liệu. Danh mục tại các phụ lục phục vụ tổng kết; số lượng phải được xác định theo từng loại tài liệu, không cộng văn bản và nhóm văn bản thành một chỉ tiêu thống kê khi chưa có quy tắc đếm thống nhất.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Công tác xây dựng văn bản pháp luật

- Lĩnh vực cấp nước:

Hiện nay, văn bản chuyên ngành trực tiếp điều chỉnh hoạt động cấp nước là Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (viết tắt là Nghị định 117). Nghị định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; quyền, nghĩa vụ của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước; thỏa thuận dịch vụ cấp nước; cấp nước an toàn; giá nước sạch; chất lượng nước sạch và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn về giá, quy chuẩn kỹ thuật, cấp nước an toàn và chế độ báo cáo. Hiệu lực, phạm vi áp dụng của Nghị định và các văn bản sửa đổi, bổ sung được đối chiếu theo từng thời kỳ tổng kết tại Phụ lục 1.

Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ là căn cứ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý. Đến năm 2026, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý được cập nhật để đối chiếu chế độ hiện hành. Kết quả thi hành được đánh giá theo quy định áp dụng trong từng thời kỳ; các yêu cầu hiện hành và nội dung chuyển tiếp được xem xét trong mối quan hệ với pháp luật về tài sản công.

Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp nước được phân định: Bộ Xây dựng quản lý cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên toàn quốc; Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý cấp nước khu vực nông thôn. Tuy nhiên, ranh giới đô thị - nông thôn ngày càng mờ dần trong quá trình đô thị hóa, trong khi phân định thẩm quyền quản lý vẫn dựa trên ranh giới cũ - đây là yêu cầu hoàn thiện cơ chế phối hợp và đầu mối quản lý cần giải quyết trong Luật Cấp, thoát nước.

Về chương trình, định hướng, chiến lược phát triển cấp nước: Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản liên quan cơ chế, định hướng, chiến lược nhằm phát triển cấp nước, giảm thiểu nguy cơ rủi ro, giảm thất thoát, thất thu nước sạch, đẩy mạnh xã hội hóa, cơ chế chính sách hỗ trợ đối tượng nghèo, gia đình chính sách, vùng đồng bào dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn về nước sạch *(Xem Phụ lục 1 và 2)*.

Trước thời điểm thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 02 cấp, về phía địa phương, qua tổng hợp báo cáo của 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có 30 địa phương phê duyệt quy hoạch cấp nước[1], khoảng 14 tỉnh đã phê duyệt đề án, kế hoạch phát triển cấp nước địa phương; Có 50/63 địa phương đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh. Tính đến hết năm 2025, tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt khoảng 72% (trong đó tổng số hệ thống cấp nước khu vực đô thị là 861, số hệ thống đã lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn là 623).

Từ tháng 7/2025 đến nay, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cả nước còn 34 tỉnh, thành phố. Trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo mô hình chính quyền 02 cấp, trên cơ sở các quyết định trước đây đã phê duyệt, có 24/34 tỉnh/thành phố đã sửa đổi cập nhật và ban hành quy định thoát nước địa phương cũng như rà soát thống nhất các thỏa thuận dịch vụ cấp nước[2].

- Lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải:

Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải là văn bản chuyên ngành trực tiếp điều chỉnh hoạt động thoát nước và xử lý nước thải (viết tắt

---

[1] 05 Thành phố trực thuộc Trung ương, các tỉnh (cũ): Bến Tre, Long An, Bình Định, Quảng Nam,…

[2] Tổng hợp từ báo cáo các địa phương từ 7/2025 đến nay:

là Nghị định 80). Nghị định 80 quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung; quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình, đấu nối, lựa chọn đơn vị thoát nước, hợp đồng quản lý vận hành, giá dịch vụ thoát nước, quản lý bùn thải, xử lý nước thải phi tập trung, tái sử dụng nước mưa và nước thải sau xử lý. Đến thời điểm hiện tại, chưa có luật chuyên ngành riêng, đặc thù đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải. Nghị định được áp dụng cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung và pháp luật có liên quan; hiệu lực từng nội dung cần được đối chiếu tại thời điểm áp dụng (xem Phụ lục 1 và 2).

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định phê duyệt định hướng phát triển thoát nước, điều chỉnh các mục tiêu phát triển phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo tăng cường phòng chống ngập úng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, đến nay có khoảng 24/34 tỉnh, thành phố đã ban hành hoặc cập nhật Quyết định quy định hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn. Trước thời điểm sắp xếp, có 54/63 địa phương đã ban hành Quyết định quy định hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo Điều 7 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Đây là công cụ để tổ chức thực thi, thúc đẩy phát triển hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

1.2. Công tác triển khai và tổ chức thi hành văn bản pháp luật

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các quy định pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đã được Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương quan tâm thực hiện, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong phát triển hạ tầng kỹ thuật, nâng cao tỷ lệ cung cấp nước sạch, mở rộng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý ngành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý hoạt động cấp nước, thoát nước trên địa bàn; tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn; lựa chọn đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước; ban hành giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước theo thẩm quyền; đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật. Tuy nhiên, mức độ ban hành và tổ chức thực hiện không đồng đều giữa các địa phương.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện vẫn còn một số hạn chế như: sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa thật sự đồng bộ; một số địa phương chậm ban hành hoặc cập nhật các quy định quản lý; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; việc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, ứng dụng công nghệ số và chia sẻ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu quản lý; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống cấp nước, thoát nước chưa được thực hiện thường xuyên và thống nhất trên phạm vi cả nước.

Từ năm 2025, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành theo các nghị định mới đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, quản lý ngập úng, quản lý công trình và cơ sở dữ liệu ngành.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Kết quả thi hành văn bản pháp luật

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đã từng bước được hình thành, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý nhà nước, đầu tư phát triển hạ tầng, quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước, thoát nước trên phạm vi cả nước. Các quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải đã góp phần quan trọng trong việc thiết lập khuôn khổ quản lý chuyên ngành, phân định trách nhiệm giữa cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ.

a) Xây dựng thông tin, cơ sở dữ liệu

Việc chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu công trình và dữ liệu vận hành, bản đồ thoát nước, chống ngập còn hạn chế; cần phân biệt yêu cầu chưa được quy định với nghĩa vụ báo cáo, cập nhật đã có nhưng thực hiện chưa đầy đủ. Các địa phương chủ yếu báo cáo chỉ tiêu, dữ liệu về cấp, thoát nước và xử lý nước thải theo Mẫu biểu dữ liệu ngành Xây dựng trên cơ sở Thông tư số 13/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng và Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Một số chỉ tiêu yêu cầu trong báo cáo: tổng công suất cấp nước, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, tổng công suất xử lý nước thải đô thị, tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

Hiện nay, đã có 34/34 tỉnh, thành phố cập nhật cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định tạm thời về phân cấp trách nhiệm quản lý, tạo lập, cập nhật và phê duyệt dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị. Kết quả cập nhật phản ánh sự tham gia của các địa phương, chưa phản ánh đầy đủ mức độ hoàn thiện, liên thông và chất lượng dữ liệu.

Ngoài ra, các đơn vị cấp nước đang sử dụng một số phần mềm quản lý vận hành mạng lưới cấp nước thông minh đang được áp dụng tại Việt Nam như: Phần mềm tính toán thủy lực của Mỹ và Hà Lan (WaterGems; MIKE Urban; Epanet…);

Phần mềm quản lý tài sản của Việt Nam (WAMS…); Phần mềm bản đồ/GIS của Mỹ (AutoCAD; MapInfo; MicroStation; ArcGIS…); Phần mềm quản lý SCADA do các hãng tự phát triển và đã áp dụng ở một số công ty cấp nước; Phần mềm chuyên dụng khác đang được nghiên cứu và áp dụng thử nghiệm… Nhiều công ty đã triển khai đồng bộ hệ thống dữ liệu thông minh như Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa; Công ty Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương; Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu,…

Một số công ty thoát nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế cũng triển khai thí điểm một số phần mềm quản lý dữ liệu trên GIS, trung tâm điều hành dữ liệu thoát nước và kiểm soát mưa tại Công ty TNHH MTV thoát nước.

b) Quy hoạch phát triển cấp nước, thoát nước

Trong các giai đoạn trước, quy hoạch cấp nước, thoát nước được lập theo quy định chuyên ngành và pháp luật quy hoạch, xây dựng tại thời điểm thực hiện. Hiện nay, nội dung cấp, thoát nước được bố trí trong hệ thống quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; pháp luật hiện hành vẫn cho phép lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật trong các trường hợp được quy định. Qua tổng kết, vướng mắc chủ yếu tập trung ở chất lượng tích hợp, dữ liệu nền, dự báo, sự đồng bộ giữa công trình đầu mối và mạng lưới và khả năng tổ chức thực hiện sau quy hoạch, không phải ở việc thiếu căn cứ pháp lý chung để lập quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước.

- Giai đoạn trước khi Luật Quy hoạch được ban hành, đã có 30/63 tỉnh, thành phố (trước sáp nhập) lập, phê duyệt quy hoạch cấp nước đô thị và vùng nông thôn lân cận và khoảng 61/63 tỉnh cũ, thành phố phê duyệt quy hoạch cấp nước nông thôn. Có 21/63 tỉnh, thành phố (trước sáp nhập) lập, phê duyệt đồ án quy hoạch chuyên ngành thoát nước.

c) Đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các địa phương đã chủ động kêu gọi đầu tư hệ thống cấp nước bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như: vốn Hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn ngân sách Nhà nước, vốn các thành phần kinh tế khác. Hiện nay, trên toàn quốc có khoảng trên 1.000 nhà máy nước khu vực đô thị (một số nhà máy nước lớn như tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà máy nước Thủ Đức công suất 750.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Thủ Đức II với công suất 300.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Thủ Đức III với công suất 300.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Tân Hiệp I công suất 300.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Tân Hiệp II công suất 300.000 m^3/ngày; tại khu vực Hà Nội: Nhà máy nước sông Đà công suất 300.000 m^3/ngày, Nhà máy nước sông Đuống công suất 300.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Bắc Thăng Long công suất khoảng 150.000 m^3/ ngày,... Tại một số địa phương khác: Nhà máy nước Hồ Đá Đen – khu vực Bà Rịa-Vũng Tàu công suất

125.000 m^3/ngày, Nhà máy nước Tân Hiệp – khu vực Bình Dương công suất khoảng 100.000 m^3/ngày, ...).

Khu vực nông thôn có khoảng 17.588 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, bên cạnh các công trình cấp nước quy mô hộ gia đình; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt khoảng 97,9%. Kết quả này cho thấy nỗ lực lớn của Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận nước cho người dân.

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các địa phương đã chủ động đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Cả nước có khoảng 83 nhà máy xử lý nước thải đô thị, với tổng công suất thiết kế khoảng 2,064 triệu m3/ngày. Các nhà máy XLNT như Yên Xá công suất 270.000 m^3/ngày; Yên Sở công suất 200.000 m^3/ngày (năm vận hành 2009), nhà máy XLNT Bình Hưng TP Hồ Chí Minh công suất 141.000 m^3/ngày, nhà máy XLNT Vĩnh Niệm - Hải Phòng công suất 36.000 m^3/ngày, nhà máy XLNT Cần Thơ công suất 30.000 m^3/ngày, nhà máy XLNT Hòa Xuân Đà Nẵng công suất 60.000 m^3/ngày, NMXLNT Phú Lộc - Đà Nẵng công suất 40.000 m^3/ngày v.v. Một số đô thị đang được đầu tư hệ thống thoát nước riêng là Huế, Vũng Tàu, Đà Lạt, Thái Hòa, Bình Dương và Cần Thơ,...

Một số dự án thoát nước chống ngập được đầu tư tại các đô thị lớn từ nguồn vốn ODA như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng (giai đoạn từ 2015-2025). Kết quả thực hiện các dự án này đã và đang từng bước phát huy tác dụng và góp phần giảm mức độ ngập úng tại các đô thị.

d) Quản lý vận hành, bảo trì hệ thống cấp nước, thoát nước

- Đối với hệ thống cấp nước:

+ Về đấu nối cấp nước, việc thực hiện đấu nối và lắp đặt đồng hồ đã được đơn vị cấp nước triển khai cho hầu hết các khách hàng sử dụng nước, góp phần kiểm soát lượng nước sạch tiêu thụ của khách hàng, giảm gian lận, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu (TTTT) nước sạch. Tỷ lệ TTTT năm 2015 khoảng 25% đã giảm còn khoảng 15,5% năm 2025. Đối với khu vực nông thôn, bước đầu nhiều đơn vị cấp nước đã đầu tư đấu nối hoặc chi phí đấu nối được trừ dần vào giá nước, từng bước tạo bình đẳng, quyền lợi được tiếp cận nguồn nước sạch. Các đơn vị cấp nước triển khai đấu nối đến khách hàng sử dụng đều thực hiện ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cấp nước.

+ Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước. Hiện nay, tại các địa phương đang sử dụng 02 loại hợp đồng: bán buôn và bán lẻ, tuy nhiên đối với hợp đồng bán buôn đa số chưa được UBND ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước bán lẻ xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

+ Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải đáp ứng QCVN

01-1:2024/BYT. Số liệu kiểm tra, giám sát chất lượng nước chưa được tổng hợp đầy đủ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc để xác định tỷ lệ tuân thủ; tỷ lệ tiếp cận dịch vụ không đồng nhất với tỷ lệ mẫu nước đạt quy chuẩn.

+ Việc ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước tại Điều 31 Nghị định 117; nhiều tỉnh thành phố đã thực hiện làm căn cứ ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của Chính quyền địa phương và doanh nghiệp cấp nước, từng bước mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

+ Quản lý vận hành cấp nước nông thôn: theo số liệu sử dụng tại mục I.1.2, có 17.588 công trình, gồm 1.727 công trình do đơn vị sự nghiệp công lập quản lý; 2.680 do doanh nghiệp và tư nhân; 5.437 do Ủy ban nhân dân cấp xã; 7.460 do cộng đồng; 284 do hợp tác xã. Tổng các nhóm bằng 17.588 công trình.

- Đối với hệ thống thoát nước:

+ Việc quản lý vận hành hệ thống thoát nước quy định tại Chương III – Nghị định 80 (từ Điều 17 đến Điều 29) quy định việc lựa chọn đơn vị thoát nước, quyền trách nhiệm và các yêu cầu về quản lý (quản lý mạng lưới thoát nước, quản lý hồ điều hòa, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải v.v.).

+ Một số địa phương ban hành quyết định riêng nhằm quy định chi tiết về đấu nối hệ thống thoát nước trên địa bàn. Tuy nhiên, trên thực tế, tỷ lệ đấu nối vẫn còn thấp; nhiều dự án đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải nhưng thiếu tuyến cống bao, mạng lưới thu gom và đấu nối nước thải nên công suất hoạt động còn thấp (Dự án thoát nước Lạng Sơn, Đồng Nai, Sơn La, v.v.).

+ Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định về đối tượng và mức hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước, chi phí đấu nối đối với hộ thoát nước thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo được cấp có thẩm quyền xác nhận. Ví dụ tỉnh An Giang hỗ trợ 100% chi phí đấu nối đối với hộ thoát nước là hộ gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người hoạt động cách mạng trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Hỗ trợ 50% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước là hộ gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo tại thời điểm thực hiện đấu nối được cấp có thẩm quyền xác nhận.

+ Hiện nay, các đơn vị vận hành thoát nước tại các địa phương là các công ty TNHH MTV nhà nước tại các đô thị lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh.v.v.) hoặc công ty môi trường đô thị, hoặc công ty dịch vụ công ích phụ trách VH&BD các công trình thoát nước. Mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống thoát nước không thống nhất tại các địa phương. Hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ thoát nước, tập trung tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, ... Khoảng 20 doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong cả lĩnh vực thoát nước và cấp nước, còn lại các doanh nghiệp

khác hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả môi trường, dịch vụ công ích và xã hội.

+ Việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước chủ yếu do đơn vị thoát nước đảm nhiệm và các đơn vị thoát nước tự xử lý hoặc giao cho đơn vị xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm nhiệm.

+ Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (khoản 1 Điều 19 Nghị định 80). Các hình thức hợp đồng quản lý vận hành thông qua hình thức hợp đồng đặt hàng, hợp đồng đấu thầu, hợp đồng giao nhiệm vụ.

+ Việc tái sử dụng nước mưa và hồ điều hòa lưu chứa nước mưa đã được quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, quy định hiện hành chủ yếu mang tính khuyến khích, chưa có quy định cụ thể và hướng dẫn kỹ thuật phổ biến về các giải pháp thu gom, lưu trữ, tái sử dụng nước mưa nên nhiều địa phương chỉ thực hiện ở quy mô nhỏ, hộ gia đình chưa thúc đẩy tái sử dụng nước mưa quy mô lớn, góp phần giảm ngập lụt, tiết kiệm tài nguyên.

e) Giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch tại Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025. Hầu hết các địa phương đã ban hành giá nước sạch khu vực đô thị, giá nước bình quân tại các địa phương khoảng từ 7.000 đ/m^3 đến 10.000 đ/m^3. Giá tiêu thụ nước sạch được ban hành đã và đang tiếp cận nguyên tắc tính đúng, tính đủ, được điều chỉnh theo hướng phù hợp với biến động của chi phí sản xuất - kinh doanh.

Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-BXD hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước. Theo số liệu tổng hợp trong hồ sơ trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, khoảng 25/63 địa phương đã ban hành giá dịch vụ thoát nước. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, chưa có đủ số liệu thống nhất theo địa giới 34 tỉnh, thành phố để xác định số địa phương đã ban hành giá dịch vụ thoát nước; vì vậy, Báo cáo sử dụng số liệu giai đoạn trước sắp xếp để phản ánh kết quả thi hành theo thời kỳ. Việc ban hành giá dịch vụ và việc ban hành quy định quản lý thoát nước là hai nội dung khác nhau. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và giá dịch vụ có bản chất, phạm vi áp dụng khác nhau; số thu phí không đồng nhất với nguồn thu bù đắp chi phí dịch vụ. Thông tư số 13/2018/TT-BXD đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2026/TT-BXD ngày 30/9/2026, có hiệu lực cùng ngày; việc đối chiếu phương pháp định giá dịch vụ thoát nước phải sử dụng nội dung đã được sửa đổi, bổ sung.

g) Quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước

Việc phân công quản lý cấp nước theo khu vực đô thị và nông thôn theo Nghị

định số 117/2007/NĐ-CP bộc lộ hạn chế trong bối cảnh đô thị hóa, mở rộng mạng lưới ra ngoài ranh giới đô thị và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trên cơ sở đó, đề xuất Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp, thoát nước và giao Bộ Xây dựng làm cơ quan đầu mối quản lý chuyên ngành; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục thực hiện chức năng về tài nguyên nước, thủy lợi, môi trường, chất lượng nước sạch, tài chính, giá, tài sản công, quốc phòng, an ninh và lĩnh vực có liên quan theo pháp luật chuyên ngành. Việc điều chỉnh phân công cần có phương án chuyển tiếp về nhiệm vụ, nhân lực, kinh phí, hồ sơ, dữ liệu, tài sản và trách nhiệm phối hợp, bảo đảm không làm gián đoạn quản lý và cung cấp dịch vụ.

Nghị định số 80 quy định Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi trên phạm vi cả nước.

h) Đánh giá kết quả đạt được

Đối với lĩnh vực cấp nước, việc thi hành pháp luật đã tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển hệ thống cấp nước tập trung, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, nâng cao chất lượng nước sạch, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch và thúc đẩy thực hiện cấp nước an toàn. Nhiều địa phương đã tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước; thành lập Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn; phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn; điều chỉnh giá nước sạch theo nguyên tắc từng bước tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý, hợp lệ; huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư, quản lý, vận hành công trình cấp nước.

Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, các quy định pháp luật hiện hành đã tạo cơ sở để địa phương ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn; tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước; ký kết hợp đồng quản lý, vận hành; triển khai đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, nhà máy xử lý nước thải; từng bước nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị. Một số địa phương đã quan tâm quy định về đấu nối, quản lý bùn thải, xử lý nước thải phi tập trung, hợp đồng quản lý vận hành và cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước.

Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, một số nhiệm vụ quản lý hạ tầng trước đây gắn với cấp huyện phải được phân định lại giữa cấp tỉnh và cấp xã. Thực tiễn bước đầu cho thấy cấp xã có thể gặp khó khăn về nhân lực chuyên môn, hồ sơ tài sản, dữ liệu công trình và kinh phí duy tu, bảo dưỡng. Vì vậy, việc phân cấp nhiệm vụ về cấp, thoát nước phải gắn với thẩm quyền, năng

lực, nguồn lực, dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật và trách nhiệm giải trình; đối với hệ thống liên xã, liên tỉnh hoặc vượt khả năng thực hiện của cấp xã cần có cơ chế phối hợp và đầu mối chịu trách nhiệm rõ ràng.

2.2. Ưu điểm của văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã bước đầu xác lập được khung pháp lý chuyên ngành cho lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; quy định tương đối đủ các nội dung cơ bản về quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành, quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ, khách hàng sử dụng dịch vụ, quản lý đấu nối, giá dịch vụ, hợp đồng dịch vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước.

Một số quy định đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn như quy định về cấp nước an toàn, thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, hợp đồng dịch vụ cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, quản lý vận hành hệ thống thoát nước, đấu nối vào hệ thống thoát nước, giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong tổ chức quản lý hoạt động cấp nước, thoát nước trên địa bàn.

Các quy định hiện hành đã góp phần thúc đẩy xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực cấp nước, từng bước huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước; đồng thời tạo cơ sở để các địa phương triển khai các dự án thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập bằng nguồn vốn ngân sách, ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Bên cạnh đó, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành đã tạo tiền đề quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách trong các lĩnh vực liên quan như quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, quản lý chất lượng nước sạch, bảo vệ môi trường nước, quản lý tài nguyên nước, quản lý giá dịch vụ và quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

2.3. Bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Qua rà soát, bất cập không chỉ nằm ở việc quy định còn phân tán mà còn ở các nội dung giao thoa giữa pháp luật cấp, thoát nước với pháp luật về tài nguyên nước, môi trường, thủy lợi, quy hoạch, xây dựng, tài sản, giá, ngân sách và dữ liệu. Dẫn chiếu chung sang pháp luật có liên quan chưa đủ để bảo đảm tính liên tục của dịch vụ nếu chưa xác định rõ dữ liệu phải trao đổi, nghĩa vụ thông báo, trách nhiệm phối hợp và chủ thể chịu trách nhiệm về kết quả tại nội dung giao thoa.

Kết quả rà soát văn bản cho thấy vấn đề cốt lõi không phải mọi nội dung liên quan đều cần quy định lại trong Luật Cấp, thoát nước. Luật cần tập trung vào nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, thẩm quyền và cơ chế chuyên ngành cốt lõi; các nội dung về điều hòa tài nguyên nước, tiêu chuẩn môi trường, trình tự đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài sản, giá và ngân sách tiếp tục tuân thủ pháp luật chủ quản. Tại các điểm giao thoa, cần quy định rõ nghĩa vụ phối hợp, dữ liệu trao đổi,

trách nhiệm thông báo và chủ thể chịu trách nhiệm về kết quả dịch vụ.

Qua rà soát, việc một nội dung chịu sự điều chỉnh của nhiều luật hoặc chưa có luật chuyên ngành riêng không tự làm phát sinh mâu thuẫn, khoảng trống pháp luật. Những vấn đề có thể xử lý bằng tổ chức thi hành, sửa đổi văn bản dưới luật hoặc áp dụng pháp luật chuyên ngành được xác định xử lý bằng công cụ tương ứng; đề xuất ở cấp luật chỉ tập trung vào nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, thẩm quyền và cơ chế chuyên ngành cốt lõi cần hiệu lực pháp lý ổn định.

Đối với nước thô phục vụ sản xuất nước sạch và hoạt động tiêu, thoát nước mưa, cần làm rõ ranh giới giữa hoạt động cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước và hoạt động của hệ thống công trình thủy lợi theo pháp luật về thủy lợi, tài nguyên nước; xác định trách nhiệm tại điểm kết nối, điểm giao nhận, yêu cầu chất lượng và tính liên tục của dịch vụ. Việc xác định ranh giới phải tránh áp dụng đồng thời hai chế độ quản lý hoặc hai cơ chế giá cho cùng hoạt động.

Đối với bảo vệ hồ, ao, đầm và không gian tiêu thoát nước, các giải pháp phát triển hệ thống thoát nước phải tuân thủ quy định về tài nguyên nước, quy hoạch, đất đai và bảo vệ môi trường; không được hiểu các biện pháp kỹ thuật bù đắp là căn cứ tự tạo ngoại lệ đối với khu vực thuộc diện pháp luật nghiêm cấm san lấp.

Kết quả đối chiếu các quy định có liên quan cần được xem xét theo tính chất từng vấn đề: xung đột về chủ thể, thẩm quyền hoặc cơ chế giá; giao thoa phạm vi điều chỉnh; và nội dung đã được luật khác quy định. Đối với giá nước sạch, giá bán buôn và giá dịch vụ thoát nước, yêu cầu tổng kết là nhận diện vướng mắc về phương thức xác định chi phí, thẩm quyền định giá và phối hợp liên tỉnh trong khuôn khổ pháp luật về giá. Quy định chuyên ngành chỉ nên làm rõ đặc điểm dịch vụ, trách nhiệm cung cấp số liệu, cơ chế phối hợp và nghĩa vụ thực hiện; không thiết lập thêm một thẩm quyền định giá song song.

Đối với bảo vệ, di dời công trình cấp, thoát nước khi triển khai dự án giao thông hoặc công trình khác, thực tế có thể phát sinh vướng mắc trong việc xác định chủ thể chịu chi phí, hoàn trả công năng và bảo đảm dịch vụ liên tục. Cần đối chiếu theo từng trường hợp với pháp luật về đường bộ, đường sắt, đê điều, đất đai và pháp luật về tài sản để có cơ sở lựa chọn giải pháp thống nhất.

Đối với việc cung cấp dịch vụ tạm thời khi xảy ra sự cố hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ không còn khả năng hoạt động, cần bảo đảm đồng thời tính liên tục của dịch vụ thiết yếu và quyền sở hữu, quyền kinh doanh, quyền đối với dữ liệu hợp pháp của các bên. Việc tiếp nhận, sử dụng tài sản không phải tài sản công phải dựa trên hợp đồng, thỏa thuận hoặc căn cứ pháp luật có thẩm quyền, không suy diễn quyền quản lý nhà nước thành quyền định đoạt tài sản tư nhân.

Việc giao, điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước và lựa chọn đơn vị cung cấp

dịch vụ cần phân biệt với lựa chọn nhà đầu tư dự án, lựa chọn nhà thầu và giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công. Cần xác định căn cứ, trách nhiệm của đơn vị đang vận hành, cơ chế bảo đảm dịch vụ tại địa bàn khó khăn và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên; tránh hình thành thủ tục lựa chọn mới mà pháp luật chưa quy định.

Đối với phân cấp, phân quyền, cơ chế hỗ trợ có sử dụng ngân sách theo thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, ngân sách nhà nước. Cơ quan chuyên môn tham mưu do địa phương phân công theo quy định.

Đối với lĩnh vực cấp nước, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về bảo đảm an ninh nguồn nước, phát triển nguồn nước dự phòng, cấp nước an toàn trong điều kiện biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro nguồn nước, liên kết vùng trong cấp nước, quản lý tài sản hạ tầng cấp nước và trách nhiệm của các chủ thể trong bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, liên tục. Một số quy định về thỏa thuận dịch vụ cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, quản lý vùng phục vụ, cấp nước nông thôn, giá nước sạch và cơ chế hỗ trợ đối tượng chính sách còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về quản lý ngập úng đô thị, tiêu chí đánh giá mức độ ngập, trách nhiệm quản lý ngập, quản lý theo lưu vực thoát nước, quản lý nước mưa, tái sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý, quản lý bùn thải và xử lý nước thải phi tập trung. Quy định về đấu nối nước thải, hỗ trợ đấu nối, hợp đồng quản lý vận hành, lựa chọn đơn vị thoát nước và cơ chế đặt hàng, đấu thầu dịch vụ thoát nước còn chưa thật sự thống nhất với pháp luật về đấu thầu, ngân sách, giá và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

Cơ chế tài chính cho thoát nước và xử lý nước thải còn gặp khó khăn về thu hồi chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và đầu tư. Khả năng thu hồi vốn thấp, thời gian hoàn vốn dài làm tăng yêu cầu chuẩn bị dự án và phân bổ rủi ro. Pháp luật về PPP đã có cơ chế phân bổ rủi ro và chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu theo điều kiện áp dụng. Vì vậy, vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện đối với lĩnh vực cấp, thoát nước tập trung vào chất lượng chuẩn bị dự án, xác định yêu cầu chất lượng và kết quả dịch vụ, nguồn thanh toán, khả năng cân đối nghĩa vụ tài chính và phân bổ rủi ro trong hợp đồng; không xác định đây là khoảng trống do thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro.

Đối với đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật hiện hành đã có quy định về loại hợp đồng, sử dụng vốn nhà nước, thanh toán và chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu. Khó khăn trong lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải chủ yếu liên quan đến khả năng hình thành nguồn thu, dữ liệu xác định sản lượng và chất lượng dịch vụ, bố trí ngân sách thanh toán và phân bổ rủi ro thực hiện; cần

đánh giá cụ thể trước khi đề xuất cơ chế riêng.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 69/2026/TT-BXD ngày 15/9/2026 quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị, có hiệu lực từ ngày 01/11/2026. Trong quá trình tổ chức thi hành, yêu cầu hoàn thiện pháp luật cần tập trung vào kế thừa hệ thống này, bảo đảm phạm vi quản lý thống nhất theo dự thảo Luật, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; bố trí nguồn lực vận hành và lộ trình chuyển đổi số phù hợp. Tại thời điểm tổng kết, chưa có cơ sở đánh giá kết quả thi hành Thông tư này; cần phân biệt yêu cầu chuẩn bị triển khai với vướng mắc đã phát sinh trong thực tiễn.

Yêu cầu về dữ liệu cần chuyển từ "có cơ sở dữ liệu" sang quản trị dữ liệu có thể kiểm chứng: xác định nguồn gốc, thời điểm, phiên bản, chất lượng, khả năng truy xuất, quyền cập nhật và khả năng chuyển đổi/liên thông giữa các hệ thống. Dữ liệu kỹ thuật chuyên ngành có thể khác nhau giữa cấp nước và thoát nước nhưng phải tuân thủ cấu trúc và nguyên tắc dùng chung.

Một số quy định hiện hành cũng chưa phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và việc sắp xếp đơn vị hành chính. Trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn, chủ sở hữu công trình, đơn vị quản lý vận hành và người sử dụng dịch vụ trong một số nội dung như bàn giao công trình, quản lý tài sản, đấu nối, bảo trì, xử lý sự cố, quản lý ngập úng và giám sát chất lượng dịch vụ chưa được phân định rõ ràng.

Pháp luật về tài sản công, xây dựng và bảo trì công trình đã quy định các chế độ quản lý tài sản, nghiệm thu và bảo trì. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật cấp, thoát nước tập trung vào nghĩa vụ duy trì mức dịch vụ, bàn giao dữ liệu và công trình, phân định chủ sở hữu với chủ thể quản lý tài sản; không tạo thêm hệ thống thủ tục nghiệm thu, bảo trì, quản lý tài sản riêng chồng lên quy định hiện hành.

Đối với việc bảo đảm cấp nước an toàn, năng lực đơn vị vận hành và công trình cấp nước có tính chất quan trọng, phải phân biệt yêu cầu quản lý rủi ro chuyên ngành với điều kiện đầu tư kinh doanh, chế độ thẩm định kế hoạch và chế độ bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Những yêu cầu có khả năng phát sinh thủ tục hành chính, nghĩa vụ hồ sơ hoặc điều kiện kinh doanh cần được nhận diện và đánh giá riêng về sự cần thiết, thẩm quyền, đối tượng áp dụng, chi phí tuân thủ và phương án đơn giản hóa.

Về dữ liệu số, pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giao dịch điện tử đã quy định nhiều vấn đề chung. Pháp luật chuyên ngành cấp, thoát nước cần xác định tập dữ liệu, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng cho quản lý vận hành; không hình thành hệ thống thông tin trùng chức năng hoặc quy định lại các biện pháp kỹ thuật bảo vệ dữ liệu đã được pháp luật chuyên ngành khác điều chỉnh.

2.4. Đánh giá chung

Đánh giá chung cho thấy khung pháp luật hiện hành thiên về quản lý công trình và phân công nhiệm vụ, trong khi còn thiếu cơ chế bảo đảm kết quả dịch vụ. Các nội dung cần được nâng lên cấp luật tập trung vào quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, ranh giới với pháp luật chủ quản, nguyên tắc bảo đảm liên tục dịch vụ, quản lý theo vùng phục vụ/lưu vực, quản lý tài sản theo vòng đời và cơ sở xác định chi phí dịch vụ; các yêu cầu kỹ thuật chi tiết tiếp tục được quy định tại văn bản dưới luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn hoặc hợp đồng phù hợp.

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã phát huy vai trò quan trọng trong giai đoạn vừa qua, tạo nền tảng pháp lý cho phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới về bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn, quản lý ngập úng đô thị, bảo vệ môi trường nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh và huy động nguồn lực đầu tư, hệ thống pháp luật hiện hành đã bộc lộ nhiều hạn chế về tính đồng bộ, thống nhất, hiệu lực pháp lý và khả năng đáp ứng yêu cầu quản lý.

Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng xây dựng Luật Cấp, thoát nước để quy định các vấn đề ổn định, cốt lõi của chuỗi dịch vụ như nguyên tắc quản lý, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm chất lượng và tính liên tục, vùng phục vụ/lưu vực, quản lý rủi ro, quản lý tài sản theo vòng đời và trách nhiệm quản lý nhà nước. Luật không quy định lại những nội dung đã thuộc pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng, giá, đầu tư, PPP, ngân sách và tài sản công; các nội dung kỹ thuật, quy trình, chỉ tiêu cụ thể tiếp tục được quy định tại văn bản dưới luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc hợp đồng.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Qua tổng kết việc thi hành pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu như sau:

a) Pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực cấp, thoát nước chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ cung cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải

Qua rà soát, bất cập pháp lý tập trung ở trách nhiệm phối hợp và bảo đảm kết quả dịch vụ tại các khâu có nhiều chủ thể tham gia; một số quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và cơ chế xử lý tại nội dung giao thoa chưa được quy định đầy đủ hoặc chưa đủ rõ. Việc cùng chịu sự điều chỉnh của nhiều luật chuyên ngành không được xem là chồng chéo nếu phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm đã được phân định; nội dung đề xuất ở cấp luật chỉ xử lý các nội dung giao thoa thực sự cần thiết.

b) Công tác phát triển cấp nước giữa các khu vực

Công tác phát triển cấp nước còn gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn và phát triển đồng bộ giữa đô thị và nông thôn. Một số khu vực vẫn chưa được cấp nước ổn định; nhiều công trình cấp nước nông thôn hoạt động kém hiệu quả; việc quản lý tài sản hạ tầng cấp nước, phát triển nguồn nước dự phòng và liên kết vùng chưa được thực hiện đồng bộ.

c) Phát triển thoát nước và xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và yêu cầu chống ngập

Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải phát triển chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải còn thấp; hệ thống thoát nước tại nhiều đô thị vẫn là hệ thống thoát nước chung; tình trạng ngập úng đô thị và ô nhiễm môi trường nước vẫn diễn ra tại nhiều địa phương. Các quy định về quản lý ngập úng đô thị, quản lý nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý và quản lý bùn thải còn thiếu hoặc chưa đầy đủ.

Đối với nước thải sinh hoạt hộ gia đình và khu dân cư, vướng mắc không chỉ nằm ở công trình xử lý mà còn ở việc phân định trách nhiệm thu gom, đấu nối, quản lý nước thải trước khi vào hệ thống tập trung và kiểm soát xả trực tiếp ra kênh, mương, sông. Pháp luật môi trường điều chỉnh tiêu chuẩn, xả thải và bảo vệ môi trường nước; pháp luật cấp, thoát nước cần xử lý nội dung giao thoa về đấu nối, tiếp nhận, vận chuyển, vận hành hệ thống và trách nhiệm của đơn vị dịch vụ, hộ thoát nước.

d) Đầu tư phát triển cấp, thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải còn hạn chế. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa và thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách còn nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại nhiều địa phương chưa được ban hành hoặc chưa bảo đảm bù đắp chi phí quản lý, vận hành và tái đầu tư hệ thống thoát nước.

e) Chất lượng dịch vụ, công tác quản lý vận hành công trình cấp nước, thoát nước chưa bền vững, hiệu quả.

Công tác quản lý, vận hành, bảo trì, bàn giao công trình và quản lý tài sản hạ tầng còn nhiều bất cập; dữ liệu công trình và dữ liệu vận hành chưa đầy đủ, thiếu chuẩn hóa, gây khó khăn cho quản lý vòng đời tài sản, lập kế hoạch bảo trì, xử lý sự cố và chống ngập. Pháp luật về xây dựng và tài sản công đã có khung chung về nghiệm thu, bàn giao, bảo trì, giao và khai thác tài sản, nhưng còn thiếu các yêu cầu chuyên ngành để nối công trình sau bàn giao vào chuỗi dịch vụ cấp, thoát nước, xác định đầu mối vận hành, hồ sơ - dữ liệu phải chuyển giao, mức dịch vụ và trách nhiệm duy trì dịch vụ. Đối với thoát nước, việc vận hành còn thiên về từng công trình, thiếu cơ chế điều phối đồng bộ theo hệ thống/lưu vực và theo rủi

ro; tái sử dụng nước sau xử lý còn hạn chế.

f) Việc ban hành giá nước sạch gặp nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn thấp, hạn chế huy động nguồn lực đầu tư

Việc xây dựng, phê duyệt và điều chỉnh giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại nhiều địa phương còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của ngành.

Lĩnh vực cấp nước, mặc dù nhiều địa phương đã ban hành giá nước sạch theo quy định, nhưng việc điều chỉnh giá còn chậm so với biến động chi phí sản xuất, giá điện, hóa chất, nhân công và chi phí đầu tư. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cân đối tài chính của doanh nghiệp cấp nước và hạn chế khả năng tái đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Đối với giá dịch vụ thoát nước, tại nhiều địa phương giá chưa được ban hành hoặc mức giá còn thấp so với chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và nhu cầu tái đầu tư. Khó khăn thực tiễn chủ yếu là dữ liệu chi phí, phạm vi dịch vụ, khả năng chi trả, nguồn ngân sách hỗ trợ phần chi phí chưa thu qua giá và lộ trình điều chỉnh. Việc định giá, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương pháp định giá phải thực hiện thống nhất theo pháp luật về giá; pháp luật cấp, thoát nước chỉ cần làm rõ các yếu tố chi phí chuyên ngành của dịch vụ.

Quy định hiện hành đã đặt nguyên tắc xác định giá dịch vụ thoát nước nhưng việc ban hành, điều chỉnh giá tại nhiều địa phương còn chậm; mức thu và cơ chế bù đắp phần chi phí chưa được thu qua giá chưa đồng đều. Qua tổng kết, chưa có đủ dữ liệu thống nhất để xác định một tỷ lệ thu hồi chi phí chung trên phạm vi toàn quốc; vì vậy, Báo cáo không sử dụng một tỷ lệ chung làm căn cứ đề xuất. Vấn đề cần hoàn thiện là xác định rõ chi phí hợp lý, hợp lệ của dịch vụ, trách nhiệm quyết định giá, nguồn thanh toán phần chênh lệch, lộ trình thực hiện và cơ chế hỗ trợ đối tượng chính sách.

g) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ

Cơ sở dữ liệu ngành cấp nước, thoát nước chưa được xây dựng đồng bộ trên phạm vi cả nước; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa trung ương và địa phương còn hạn chế; ứng dụng công nghệ số, GIS, SCADA, IoT và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, vận hành mới được triển khai ở phạm vi hẹp.

h) Công tác quản lý nhà nước về cấp, thoát nước còn hạn chế

Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước trong một số nội dung còn chưa rõ ràng; tổ chức thực hiện giữa các địa phương chưa thống nhất, nhất là trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính.

Cơ chế phối hợp đối với hệ thống thoát nước vượt địa giới hành chính còn

thiếu và phân tán. Nghị định số 80/2014/NĐ-CP chưa thiết lập đầy đủ khung phối hợp riêng cho hệ thống thoát nước liên tỉnh, trong khi hệ thống thoát nước vận hành theo lưu vực, không hoàn toàn trùng với địa giới hành chính. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, một số hệ thống chuyển từ liên tỉnh thành nội tỉnh và phát sinh nhu cầu tích hợp tài sản, dữ liệu, vận hành; đồng thời vẫn tồn tại các lưu vực, hệ thống thực sự liên tỉnh cần làm rõ đầu mối phối hợp, phân bổ trách nhiệm, chi phí vận hành, chia sẻ dữ liệu và xử lý sự cố.

i) Khó khăn đặc thù tại khu vực nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và địa bàn đặc biệt khó khăn

Tại các địa bàn này, cấp nước chủ yếu dựa vào công trình quy mô nhỏ, phân tán hoặc hộ gia đình; địa hình chia cắt, dân cư phân tán, nguồn nước biến động và rủi ro thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn làm tăng chi phí đầu tư và vận hành. Nguồn thu dịch vụ thấp, thiếu nhân lực kỹ thuật, khó bảo trì và kiểm soát chất lượng nước; hạ tầng thoát nước, thu gom và xử lý nước thải còn hạn chế. Việc phân cấp nhiệm vụ cho cấp xã nếu không đi kèm nguồn lực, dữ liệu, hướng dẫn kỹ thuật và cơ chế hỗ trợ của cấp tỉnh có thể làm phát sinh khoảng trống trong quản lý, vận hành và duy trì dịch vụ.

3.2. Nguyên nhân

Các nguyên nhân được phân thành 05 nhóm để lựa chọn đúng công cụ xử lý: (i) khoảng trống hoặc quy định chưa rõ ở cấp pháp luật; (ii) giao thoa, thiếu cơ chế phối hợp giữa các pháp luật liên quan; (iii) hạn chế trong tổ chức thực hiện, năng lực và phối hợp; (iv) thiếu nguồn lực tài chính, nhân lực, dữ liệu; (v) điều kiện tự nhiên, biến đổi khí hậu và đặc thù địa bàn. Chỉ các nguyên nhân thuộc nhóm (i), hoặc cần xác lập ổn định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và thẩm quyền, mới cần xử lý trực tiếp trong Luật Cấp, thoát nước. Các nguyên nhân thuộc tổ chức thực hiện, nguồn lực và điều kiện khách quan phải được xử lý bằng kế hoạch, đầu tư, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo, dữ liệu và cơ chế phối hợp, không mặc nhiên chuyển thành quy định của Luật.

a) Chưa có luật chuyên ngành, hoạt động cấp nước, thoát nước bị chi phối bởi nhiều luật và văn bản hướng dẫn luật

Lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp quản lý, nhưng hiện nay chưa có văn bản luật chuyên ngành điều chỉnh thống nhất; nhiều quy định còn phân tán ở các văn bản pháp luật khác nhau nên việc áp dụng và tổ chức thực hiện còn gặp khó khăn.

Nội dung cấp nước, thoát nước đã được tích hợp trong hệ thống quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; tuy nhiên, một số nội dung còn khái quát, dữ liệu nền và dự báo chưa đồng bộ, việc chuyển các định hướng quy hoạch thành danh mục nhiệm vụ, dự án, thứ tự ưu tiên và nhu cầu

nguồn lực còn thiếu công cụ tổ chức thực hiện thống nhất. Thực tiễn vì vậy đặt ra yêu cầu có kế hoạch phát triển cấp, thoát nước cấp tỉnh với tính chất là công cụ sau quy hoạch, sử dụng chung dữ liệu và lồng ghép với kế hoạch thực hiện quy hoạch, chương trình/kế hoạch phát triển đô thị, nông thôn; không hình thành thêm một loại quy hoạch và không thay thế thẩm quyền quyết định đầu tư, đầu tư công, ngân sách hoặc giá.

Đối với doanh nghiệp cấp nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, quyền của cổ đông, việc chuyển nhượng cổ phần, tổ chức lại và xử lý doanh nghiệp thực hiện theo pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Tổng kết thực tiễn cho thấy yêu cầu cốt lõi của pháp luật chuyên ngành không phải là kiểm soát chung việc chuyển nhượng cổ phần, mà là bảo đảm nghĩa vụ cung cấp dịch vụ thiết yếu không bị gián đoạn khi có thay đổi chủ sở hữu, đơn vị vận hành, hợp đồng hoặc tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. Vì vậy, hướng hoàn thiện phù hợp là xác lập nghĩa vụ dịch vụ gắn với vùng phục vụ/hợp đồng, yêu cầu bàn giao hồ sơ - dữ liệu - tài sản phục vụ vận hành và cơ chế thay thế có thời hạn khi dịch vụ có nguy cơ gián đoạn, thay vì can thiệp trực tiếp vào quyền chuyển nhượng cổ phần nếu không có căn cứ hiến định, pháp luật chuyên ngành tương ứng.

Doanh nghiệp cấp nước và cổ đông thực hiện quyền sở hữu, chuyển nhượng theo pháp luật doanh nghiệp, đầu tư và pháp luật liên quan. Yêu cầu duy trì dịch vụ thiết yếu cần được bảo đảm trước hết bằng nghĩa vụ cung cấp dịch vụ, hợp đồng, bàn giao hồ sơ, tài sản và dữ liệu. Trường hợp đề xuất biện pháp bắt buộc hạn chế quyền để duy trì dịch vụ phải đánh giá sự cần thiết, tính tương xứng, căn cứ, thẩm quyền, thời hạn, thanh toán hoặc bồi thường và quyền khiếu nại, khởi kiện; không mặc nhiên trao quyền can thiệp vào chuyển nhượng cổ phần.

Pháp luật hiện hành về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được thay đổi, trong đó Luật số 69/2014/QH13 đã được thay thế bởi Luật số 68/2025/QH15. Vì vậy, các vấn đề về đầu tư vốn nhà nước, mua lại phần vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp cấp nước phải được rà soát và thực hiện theo pháp luật hiện hành về doanh nghiệp và quản lý vốn nhà nước. Báo cáo tổng kết không tiếp tục sử dụng các giới hạn của Luật số 69/2014/QH13 làm căn cứ chứng minh khoảng trống chính sách của Luật Cấp, thoát nước.

Đối với đầu tư công, khả năng bố trí vốn cho cấp, thoát nước và xử lý nước thải phụ thuộc tiêu chí, định mức, kế hoạch đầu tư công trung hạn và thứ tự ưu tiên của từng giai đoạn. Thực tiễn cho thấy thoát nước, xử lý nước thải và chống ngập phải cạnh tranh nguồn lực với nhiều lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác; khó khăn chủ yếu là quy mô nhu cầu vốn lớn, hiệu quả tài chính trực tiếp thấp và yêu cầu đồng bộ toàn chuỗi công trình. Đối với giai đoạn tiếp theo, giải pháp nguồn lực phải căn cứ pháp luật đầu tư công và tiêu chí phân bổ vốn đang có hiệu lực làm căn cứ pháp lý cho giai đoạn mới.

Các tiêu chí phân bổ vốn của giai đoạn 2021–2025 chỉ được sử dụng để đánh giá kết quả giai đoạn đó. Đối với kiến nghị cho giai đoạn tiếp theo, phải căn cứ quy định và kế hoạch đầu tư công áp dụng tương ứng. Khó khăn trong bố trí kinh phí thoát nước cần được chứng minh bằng nhu cầu, dự toán, mức được giao và kết quả giải ngân tại địa phương, việc bổ sung cân đối hoặc bổ sung có mục tiêu thực hiện theo pháp luật ngân sách.

Luật Quản lý nợ công quy định về nguồn vốn vay phát triển đô thị đi kèm với quy định khả năng vay nợ của chính quyền địa phương. Do đó mức vay cho đầu tư phát triển đô thị bao gồm lĩnh vực thoát nước cũng bị giới hạn theo từng trường hợp.

b) Các quy định chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới

Nhiều quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP được ban hành trong bối cảnh trước đây, chưa dự liệu đầy đủ các yêu cầu mới về bảo đảm an ninh nguồn nước, quản lý ngập úng đô thị, kinh tế tuần hoàn, tái sử dụng nước thải, quản lý theo lưu vực, liên kết vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, phân cấp, phân quyền và hội nhập quốc tế.

c) Nguồn lực đầu tư và cơ chế huy động vốn còn hạn chế

Nhu cầu đầu tư cho hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải rất lớn, trong khi nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế. Đối với thoát nước, xử lý nước thải và chống ngập, khả năng thu hồi vốn trực tiếp thấp, thời gian hoàn vốn dài, dự án phụ thuộc vào tính đồng bộ của mạng thu gom - đấu nối - công trình xử lý và nguồn thanh toán cho dịch vụ công. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, PPP hiện có chưa được khai thác hiệu quả; việc chuẩn bị dự án, phân bổ rủi ro, xác định nguồn thanh toán, cơ chế giá và cam kết chất lượng dịch vụ còn là các điểm nghẽn cần được xử lý trong khuôn khổ pháp luật về đầu tư, PPP, ngân sách và giá.

Bên cạnh đó, cơ chế giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau về giá, ngân sách, đầu tư và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích. Một số quy định chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tiễn quản lý và chưa tạo động lực để các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời chưa khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

d) Năng lực tổ chức và quản lý nhà nước còn hạn chế

Năng lực tổ chức thực hiện tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong một số nội dung còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc thi hành pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời; việc tổng hợp thông tin, báo cáo và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước

còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện.

e) Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu quản lý

Cơ sở dữ liệu ngành nước và hạ tầng số phục vụ công tác quản lý nhà nước còn thiếu, chưa đồng bộ; việc thu thập, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa trung ương, địa phương và đơn vị quản lý vận hành còn hạn chế. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, GIS, SCADA, IoT, mô hình số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giám sát, dự báo và vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, đô thị thông minh và phát triển bền vững.

f) Tác động của quá trình đô thị hóa, biến đổi khí hậu và các yếu tố khách quan ngày càng gia tăng

Quá trình đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số, ô nhiễm nguồn nước, tác động của biến đổi khí hậu, mưa cực đoan, ngập úng, hạn hán và xâm nhập mặn ngày càng gia tăng đã tạo áp lực lớn đối với hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, trong khi hệ thống pháp luật hiện hành chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Trong khi đó, hạ tầng kỹ thuật và cơ chế quản lý chưa được đầu tư, hoàn thiện đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả cung cấp dịch vụ và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước.

Kết quả tổng kết cho thấy các hạn chế về năng lực đơn vị, quy trình vận hành, bảo trì, kiểm tra hợp đồng và phối hợp thực hiện chủ yếu thuộc khâu tổ chức thi hành; trước hết cần xử lý bằng đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, hợp đồng, tiêu chuẩn, quy chuẩn và cơ chế giám sát theo pháp luật hiện hành. Chỉ đề xuất quy định ở cấp luật đối với các nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền và giới hạn pháp lý cần thiết thuộc thẩm quyền Quốc hội; không chuyển các khó khăn thuần túy về tổ chức thực hiện hoặc thiếu nguồn lực thành quy định của Luật.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Từ kết quả tổng kết, các vấn đề mới phát sinh cần được xử lý trong quá trình hoàn thiện pháp luật được tổng hợp thành các nhóm trọng tâm. Việc xác định giải pháp tiếp tục tuân thủ nguyên tắc: nội dung thuộc pháp luật chuyên ngành khác được thực hiện theo pháp luật tương ứng; Luật Cấp, thoát nước chỉ quy định các quan hệ cốt lõi và nội dung giao thoa cần thiết để bảo đảm chất lượng, an toàn và tính liên tục của dịch vụ cấp, thoát nước.

a) Bảo đảm an ninh, an toàn và tính liên tục của dịch vụ cấp, thoát nước

Ô nhiễm, suy giảm nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai, sự cố công trình, mất điện và sự cố hệ thống điều khiển, dữ liệu làm gia tăng rủi ro đối với dịch vụ thiết yếu. Thực tiễn đặt ra yêu cầu quản lý rủi ro theo chuỗi từ nguồn nước, công trình đầu mối, xử lý, truyền dẫn, phân phối đến điểm cung cấp; xác định rõ trách

nhiệm phòng ngừa, cảnh báo, dự phòng, ứng phó và khôi phục dịch vụ. Các nội dung về tài nguyên nước, môi trường, phòng, chống thiên tai, quốc phòng, an ninh tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; pháp luật cấp, thoát nước cần làm rõ trách nhiệm phối hợp và duy trì dịch vụ tại các nội dung giao thoa.

b) Quản lý ngập úng đô thị và quản lý hệ thống thoát nước theo lưu vực

Mưa lớn cực đoan, đô thị hóa nhanh và gia tăng diện tích bề mặt không thấm làm tăng áp lực lên hệ thống thoát nước. Quản lý ngập không thể chỉ theo từng công trình mà cần tổ chức theo lưu vực, gắn cống, kênh, hồ điều hòa, trạm bơm, không gian trữ nước và công trình có liên quan; đồng thời xác định trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương và giữa hệ thống thoát nước với thủy lợi, đê điều, giao thông và hạ tầng khác. Nội dung tiêu chuẩn kỹ thuật, dự báo, cảnh báo và quy trình vận hành tiếp tục được cụ thể hóa tại văn bản dưới luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

c) Phát triển hệ thống liên vùng, liên tỉnh; quản lý tài sản và bảo đảm dịch vụ sau đầu tư

Sự phát triển của hệ thống cấp nước nhiều nguồn, liên xã, liên tỉnh và các hệ thống thoát nước có phạm vi phục vụ vượt địa giới hành chính làm phát sinh yêu cầu về điều phối, điểm giao nhận, chia sẻ dữ liệu, trách nhiệm dịch vụ và quản lý tài sản dùng chung. Quá trình xã hội hóa, thay đổi chủ thể quản lý, vận hành cũng đặt ra yêu cầu rõ hơn về bàn giao tài sản, hồ sơ, dữ liệu, bảo trì và xử lý trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ không thể tiếp tục hoạt động. Giải pháp pháp lý cần tập trung vào nghĩa vụ dịch vụ và tính liên tục, không làm thay đổi quyền sở hữu hoặc hạn chế quyền của tổ chức, cá nhân ngoài trường hợp pháp luật có quy định.

d) Chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và kinh tế tuần hoàn

Dữ liệu cấp, thoát nước hiện còn phân tán, mức độ số hóa và khả năng kết nối, chia sẻ không đồng đều. Yêu cầu quản lý mới là hình thành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung; xác định trách nhiệm tạo lập, cập nhật, nguồn gốc, phiên bản, chất lượng, quyền khai thác và cơ chế kết nối với các cơ sở dữ liệu liên quan; ứng dụng GIS, SCADA, IoT, mô hình số và trí tuệ nhân tạo theo lộ trình phù hợp. Đồng thời, việc thu gom, sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý và thu hồi tài nguyên cần được thúc đẩy theo hướng kinh tế tuần hoàn; chất lượng nước tái sử dụng và yêu cầu môi trường tiếp tục tuân thủ quy chuẩn, pháp luật chuyên ngành tương ứng.

e) Nguồn lực, giá dịch vụ và tổ chức quản lý theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Nhu cầu đầu tư, vận hành và bảo trì hệ thống ngày càng lớn trong khi khả năng thu hồi chi phí, nguồn ngân sách và khả năng chi trả còn hạn chế, nhất là đối với thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập và địa bàn khó khăn. Cần huy động

nguồn lực xã hội và PPP theo pháp luật hiện hành, gắn nghĩa vụ thanh toán với chất lượng, kết quả dịch vụ và khả năng cân đối nguồn vốn; cơ chế giá phải phản ánh chi phí hợp lý, hợp lệ và có chính sách hỗ trợ đúng đối tượng. Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đồng thời đòi hỏi phân định rõ nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cấp xã, gắn phân cấp với nhân lực, kinh phí, hồ sơ, dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật và cơ chế phối hợp đối với hệ thống liên xã, liên tỉnh.

5. Những vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật

Các kết quả tổng kết cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật cần được xem xét trên cơ sở tính đặc thù của hoạt động cấp, thoát nước là dịch vụ hạ tầng thiết yếu, có tính liên tục, phụ thuộc vào hệ thống công trình liên kết và liên quan trực tiếp đến sức khỏe, môi trường, an toàn đô thị.

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống

Việc tích hợp nội dung cấp, thoát nước vào các quy hoạch hiện hành đã tạo cơ sở định hướng đầu tư nhưng còn hạn chế ở khâu tổ chức thực hiện, kết nối công trình đầu mối với mạng lưới, cân đối nhu cầu và khả năng nguồn lực. Đề xuất quy định kế hoạch phát triển cấp, thoát nước cấp tỉnh là công cụ tổ chức thực hiện theo mục tiêu, chỉ tiêu và nguồn lực, trên cơ sở phù hợp với quy hoạch và kế hoạch có liên quan; kế hoạch không thay thế quy hoạch, quyết định đầu tư, phân bổ vốn, lựa chọn nhà đầu tư hoặc thủ tục chấp thuận dự án.

b) Đầu tư và bảo đảm nguồn lực

Nguồn vốn đầu tư phát triển cấp, thoát nước còn thiếu và phân bổ chưa đồng bộ, nhất là đối với mạng thu gom nước thải, đấu nối, bảo trì và các công trình phục vụ khu vực khó khăn. Đề xuất xác định nguyên tắc huy động nguồn lực, trách nhiệm bố trí kinh phí cho nhiệm vụ được giao và lựa chọn hình thức đầu tư theo pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, đấu thầu và PPP. Việc thanh toán theo chất lượng, kết quả dịch vụ phải gắn với chỉ tiêu đo lường, nguồn thanh toán, khả năng cân đối và nghĩa vụ tài chính được xác lập hợp pháp.

c) Bảo đảm cấp nước an toàn và quản lý ngập úng

Tình trạng mất nước, thiếu nước cục bộ, nguy cơ suy giảm chất lượng nước và ngập úng tại nhiều đô thị cho thấy cần làm rõ trách nhiệm phòng ngừa, cảnh báo, ứng phó và khôi phục dịch vụ. Việc phối hợp liên xã, liên tỉnh và giữa hệ thống thoát nước với công trình thủy lợi phải thực hiện theo phạm vi quản lý, thẩm quyền của từng cơ quan và pháp luật có liên quan, không làm thay đổi thẩm quyền quản lý tài nguyên nước, thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai.

Khi quy định yêu cầu phòng ngừa gia tăng ngập do dự án, cần sử dụng quy trình đánh giá, thẩm định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường; tránh phát sinh hồ sơ hoặc thủ tục đánh giá ngập độc lập nếu chưa chứng minh sự cần thiết và hiệu quả.

Đối với kế hoạch cấp nước an toàn, kết quả tổng kết cho thấy cần làm rõ trường hợp và trách nhiệm xem xét của cơ quan chuyên môn nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng và tính liên tục của dịch vụ. Việc thiết kế thủ tục phải theo mức độ rủi ro và quy mô hệ thống; hồ sơ, trình tự cần được đơn giản hóa, thực hiện trên môi trường điện tử, tái sử dụng dữ liệu đã có, hạn chế yêu cầu trùng lặp và đánh giá chi phí tuân thủ. Hộ gia đình tự khai thác, xử lý, trữ và sử dụng nước cho nhu cầu của chính hộ không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn. Phương án xác định cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tổ chức thẩm định; đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch. Việc quy định chi tiết phải giữ đúng sự phân định trách nhiệm này.

Việc xác định đối tượng lập, thẩm định hoặc phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn cần phân loại theo quy mô, mức độ rủi ro và mô hình quản lý; có phương thức đơn giản đối với công trình quy mô nhỏ, tránh áp dụng đồng loạt thủ tục cho mọi công trình cấp nước phân tán, nông thôn. Các yêu cầu kiểm nghiệm và giám sát chất lượng nước phải thống nhất với pháp luật về y tế.

d) Dịch vụ, giá và quyền lợi người sử dụng

Việc xác định vùng phục vụ, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, nghĩa vụ đấu nối và thực hiện hợp đồng còn có cách áp dụng khác nhau giữa các địa phương. Cần phân định trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ thể quản lý tài sản, đơn vị vận hành và đơn vị cung cấp dịch vụ; công khai chất lượng, mức dịch vụ, giá và cơ chế tiếp nhận phản ánh. Luật cần quy định nguyên tắc và các yếu tố kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành phục vụ định giá; thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và phương pháp định giá thực hiện theo pháp luật về giá và phân công của Chính phủ. Giá dịch vụ thoát nước và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải phải được phân định theo pháp luật, không thu trùng đối với cùng nội dung, phạm vi.

Đối với hợp đồng với người sử dụng dịch vụ, cần kế thừa quyền và cơ chế bảo vệ người tiêu dùng đã được pháp luật quy định; luật chuyên ngành chỉ bổ sung quyền, nghĩa vụ gắn với đặc thù cấp, thoát nước như thông báo gián đoạn, cấp nước thay thế, kiểm tra đo đếm, khôi phục dịch vụ và giải quyết phản ánh.

đ) Tổ chức quản lý và dữ liệu

Việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đòi hỏi phân định rõ trách nhiệm quản lý công trình, hợp đồng, dữ liệu, kiểm tra và phối hợp trong các hệ thống liên xã, liên tỉnh. Dữ liệu cấp, thoát nước cần được chuẩn hóa, cập nhật và kết nối để phục vụ quản lý, song phải kế thừa hệ thống báo cáo hiện có, tránh yêu cầu trùng lặp và tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ thông tin và an ninh mạng. Các đề xuất được phân biệt trách nhiệm của cơ quan trung ương với nhiệm vụ của cấp tỉnh, cấp xã; việc chuyển giao nhiệm vụ phải đồng thời xử lý nhân lực, kinh phí, tài sản, hồ sơ và dữ liệu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

Trên cơ sở tổng kết việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải cho thấy, các quy định hiện hành tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải. Tuy nhiên, một số quan hệ đặc thù cần hiệu lực pháp lý ổn định ở cấp luật, nhất là quyền - nghĩa vụ các chủ thể, vùng phục vụ, chất lượng và tính liên tục của dịch vụ, quản lý rủi ro, quản lý theo hệ thống/lưu vực, tài sản - dữ liệu và trách nhiệm quản lý nhà nước. Vì vậy, đề xuất xây dựng Luật Cấp, thoát nước theo hướng điều chỉnh các nội dung chuyên ngành cốt lõi và nội dung giao thoa cần thiết, không quy định lại những nội dung đã thuộc pháp luật tài nguyên nước, môi trường, thủy lợi, quy hoạch, xây dựng, đầu tư, PPP, giá, ngân sách và tài sản công. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đề xuất các nhóm giải pháp, kiến nghị sau:

1.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về cấp nước, thoát nước

Việc hoàn thiện pháp luật về cấp, thoát nước cần xuất phát từ kết quả thi hành các quy định chuyên ngành hiện hành, tập trung vào nguyên tắc quản lý, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể, bảo đảm an toàn và tính liên tục của dịch vụ. Ranh giới giữa hoạt động cấp, thoát nước và pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng, giá, tài sản công và dữ liệu cần được làm rõ tại các điểm kết nối, giao nhận, đấu nối và xả nước; không lặp lại thẩm quyền, quy trình hoặc điều kiện đã thuộc luật khác.

Trên cơ sở thực tiễn thi hành, đề xuất quy định ở cấp luật các vấn đề chuyên ngành ổn định gồm quản lý vùng cấp nước và vùng phục vụ; quản lý thoát nước theo lưu vực; cơ chế duy trì dịch vụ khi xảy ra rủi ro, sự cố; trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ thể quản lý tài sản và đơn vị vận hành; đấu nối, kiểm soát chất lượng dịch vụ, quản trị dữ liệu và bảo vệ người sử dụng. Quy trình kỹ thuật, yêu cầu hồ sơ chi tiết và chỉ tiêu vận hành giao văn bản dưới luật, quy chuẩn hoặc hợp đồng điều chỉnh theo thẩm quyền.

Đối với kế hoạch phát triển cấp tỉnh, giao hoặc điều chỉnh vùng phục vụ, kế hoạch cấp nước an toàn, cơ chế hỗ trợ, công khai và cập nhật dữ liệu, cần phân biệt trách nhiệm quản lý chuyên ngành với thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh. Việc thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn phải tính đến quy mô, mức độ rủi ro và mô hình quản lý; các trường hợp được miễn, không áp dụng một thủ tục đồng loạt đối với tất cả các công trình cấp nước nông thôn quy mô nhỏ.

Quá trình xây dựng Luật cần bảo đảm đồng bộ với Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng,

Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Giá, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các pháp luật có liên quan.

1.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước

Đề xuất Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp, thoát nước; Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước về cấp, thoát nước; các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực tài nguyên nước, thủy lợi, đê điều, môi trường, y tế, tài chính, giá, tài sản công, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác theo pháp luật chuyên ngành. Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp; cơ quan chuyên môn giúp việc thực hiện theo phân công của địa phương, không ấn định cứng cơ cấu tổ chức.

Bổ sung quy định về quản lý theo lưu vực; quản lý liên vùng; quản lý tài sản kết cấu hạ tầng; quản lý ngập úng đô thị; quản lý vận hành, bảo trì, bàn giao công trình; tăng cường thanh tra, kiểm tra và giám sát chất lượng dịch vụ.

1.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác và vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước

Hoàn thiện các quy định về quản lý, khai thác, vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải theo hướng quản lý đồng bộ trên toàn hệ thống; quy định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu công trình, đơn vị quản lý vận hành và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong suốt quá trình quản lý, khai thác và cung cấp dịch vụ.

Nâng cao năng lực vận hành, quản lý rủi ro, bảo trì, đấu nối và bàn giao bằng tiêu chí lựa chọn đơn vị, giao nhiệm vụ, đặt hàng, hợp đồng và giám sát thực hiện. Luật chỉ quy định các nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ đặc thù có căn cứ cần thiết; không luật hóa quy trình nội bộ hoặc nội dung hợp đồng chi tiết. Yêu cầu áp dụng phải phù hợp quy mô công trình, mức độ rủi ro và năng lực thực hiện tại địa bàn khó khăn.

Hoàn thiện trách nhiệm thông báo ngừng cấp nước, biện pháp cấp nước thay thế khi gián đoạn kéo dài, giảm trừ tiền dịch vụ hoặc bồi thường theo pháp luật và hợp đồng; đồng thời làm rõ trách nhiệm đầu tư, bàn giao, duy trì trụ nước chữa cháy trên mạng cấp nước và nguồn chi phù hợp. Qua tổng kết, chưa có đủ dữ liệu thống nhất để lượng hóa mức độ vi phạm hoặc chi phí thực hiện trên phạm vi toàn quốc; vì vậy, các nghĩa vụ đặc thù chỉ được đề xuất trên cơ sở xác định rõ chủ thể, điều kiện áp dụng, nguồn lực và quan hệ với pháp luật về dân sự, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phòng cháy, chữa cháy và giá.

Hoàn thiện khung nguyên tắc đối với thỏa thuận/hợp đồng dịch vụ cấp nước và hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước, trong đó xác định tối thiểu

phạm vi/vùng phục vụ, chỉ tiêu chất lượng dịch vụ, tài sản - bảo trì, dữ liệu - báo cáo, nguồn thanh toán, xử lý sự cố, chấm dứt và bàn giao. Khi đơn vị cung cấp dịch vụ không thể tiếp tục, cơ chế quản lý, vận hành tạm thời chỉ được áp dụng trong trường hợp cần thiết để tránh gián đoạn dịch vụ, có thẩm quyền, thời hạn, phạm vi, nguồn thanh toán và cơ chế bàn giao rõ; không làm thay đổi quyền sở hữu tài sản ngoài trường hợp pháp luật có quy định.

1.4. Huy động nguồn lực đầu tư

Huy động nguồn lực xã hội và lựa chọn dự án PPP thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đối với hợp đồng có cơ chế thanh toán từ Nhà nước, yêu cầu chất lượng, kết quả và mức độ sẵn sàng của dịch vụ phải được cụ thể hóa trong hồ sơ dự án, hợp đồng và điều kiện thanh toán; cơ quan ký kết hợp đồng phải xác định nguồn vốn, nghĩa vụ thanh toán, khả năng cân đối và phân bổ rủi ro. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu thực hiện theo điều kiện của pháp luật PPP, không được hiểu là bảo lãnh doanh thu hoặc cam kết Nhà nước bù mọi khoản lỗ. Chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ và nhiệm vụ chi ngoài dự án PPP được xem xét riêng theo pháp luật về ngân sách, giá và pháp luật có liên quan. Ưu tiên nguồn lực cho địa bàn khó khăn, công trình liên vùng, chống ngập, thu gom, xử lý nước thải và cấp nước nông thôn gắn với khả năng vận hành, bảo trì và chi trả.

1.5. Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Đối với nước sạch, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, cần hoàn thiện dữ liệu về chi phí hợp lý, hợp lệ, chất lượng, sản lượng và mức độ sẵn sàng của dịch vụ để phục vụ định giá theo pháp luật về giá. Luật chuyên ngành chỉ quy định các yếu tố đặc thù và trách nhiệm phối hợp, không đặt ra thêm phương pháp hoặc thẩm quyền định giá song song. Phải phân biệt giá dịch vụ thoát nước với phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và xác định cơ chế sử dụng nguồn thu phù hợp pháp luật về ngân sách.

Đối với quan hệ bán buôn nước sạch và giao nhận nước liên tỉnh, cần làm rõ điểm giao nhận, đo đếm sản lượng, trách nhiệm chất lượng nước, phạm vi nghĩa vụ dịch vụ và phương thức phối hợp của các địa phương có liên quan. Việc xác định giá bán buôn và giải quyết bất đồng thực hiện trong khuôn khổ pháp luật về giá và hợp đồng; không mặc nhiên hình thành thẩm quyền định giá mới ngoài luật hiện hành.

Đối với trường hợp giá được quyết định thấp hơn chi phí hợp lý, hợp lệ của nghĩa vụ dịch vụ được giao, cần xác định rõ nguồn bù đắp hợp pháp và trách nhiệm thanh toán; không để phần thiếu hụt kéo dài thành nợ bảo trì, suy giảm tài sản hoặc giảm chất lượng dịch vụ. Cơ chế hỗ trợ phải đúng đối tượng, công khai, có nguồn bảo đảm và được theo dõi tách bạch với giá dịch vụ.

Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ đối với hộ nghèo, gia đình chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp có nguồn lực tái đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ.

1.6. Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống cấp nước, thoát nước

Hoàn thiện quy định về bảo đảm an ninh, an toàn và tính liên tục của dịch vụ cấp, thoát nước; quản lý rủi ro, dự phòng, phòng ngừa, ứng phó và khôi phục khi có sự cố; bảo vệ công trình, hệ thống điều khiển và dữ liệu. Đối với cấp nước an toàn, cần quy định trách nhiệm của đơn vị cấp nước trong việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch; xác định cơ quan thẩm định theo phân công, trường hợp phải thẩm định và trường hợp miễn trên cơ sở quy mô, mức độ rủi ro; kiểm soát hồ sơ, trình tự, thẩm định điều chỉnh và chi phí tuân thủ. Đối với thoát nước an toàn, tích hợp yêu cầu quản lý rủi ro vào quy trình vận hành theo hệ thống, lưu vực, bảo đảm không thiết lập cơ chế thẩm định trùng lặp.

1.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu

Hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước thống nhất, kế thừa dữ liệu và hệ thống hiện có; quy định trách nhiệm tạo lập, cập nhật, kiểm tra, kết nối, chia sẻ và sử dụng lại dữ liệu của cơ quan nhà nước, chủ sở hữu, đơn vị cấp nước, thoát nước. Ưu tiên kiểm soát chất lượng, nguồn gốc, thời điểm, phiên bản, khả năng truy xuất và mã định danh của dữ liệu; không yêu cầu cung cấp lại thông tin còn giá trị mà cơ quan có thể khai thác hợp pháp. Quyền đối với dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an toàn thông tin và an ninh mạng thực hiện theo pháp luật có liên quan; tiêu chuẩn kỹ thuật và lộ trình triển khai được quy định phù hợp thẩm quyền, quy mô công trình và mức độ rủi ro.

1.8. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật

Trước mắt cần tăng cường thực hiện các quy định hiện hành; khi Luật được ban hành, chuẩn bị văn bản quy định chi tiết đối với nội dung được giao; tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật. Đồng thời, xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật; định kỳ tổng kết, đánh giá, cập nhật cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành.

2. Kiến nghị

Kiến nghị Chính phủ xem xét việc hoàn thiện dự án Luật Cấp, thoát nước theo ba nhóm chính sách đã được quy phạm hóa trong hồ sơ: phát triển hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ an toàn, liên tục, có chất lượng; hoàn thiện cơ chế tài chính, nguồn lực và quản lý nhà nước, gắn chuyển đổi số, dữ liệu và khả năng tổ chức thực hiện. Luật

tập trung vào nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế chuyên ngành cần thiết; bảo đảm thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, đê điều, môi trường, quy hoạch, đầu tư, giá, tài sản công, dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.

Kiến nghị các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục phối hợp cung cấp, kiểm tra số liệu; rà soát việc thi hành văn bản liên quan theo đúng thời kỳ áp dụng; phân biệt văn bản đang có hiệu lực với văn bản đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực; đối chiếu các quy định về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ môi trường, quy hoạch, giá, đầu tư, đấu thầu, PPP, tài sản công và tổ chức chính quyền địa phương. Việc xây dựng văn bản quy định chi tiết phải kiểm soát thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ và nghĩa vụ dữ liệu; chuẩn bị nguồn lực cho chuyển giao nhiệm vụ, quản lý tài sản và số hóa, bảo đảm không gián đoạn dịch vụ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật về cấp, thoát nước, Bộ Xây dựng báo cáo Chính phủ xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Minh (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- BXD: Vụ Pháp chế, VP Bộ;
- Lưu: VT, Cục KCHT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tường Văn

Phụ lục 1. Danh mục văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực cấp, thoát nước
(luật, nghị định, thông tư, các văn bản khác)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BXD ngày /10/2026 của Bộ Xây dựng)

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
I	**Luật, pháp lệnh**		
1	Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15	Hiến pháp bảo đảm quyền *sở hữu hợp pháp; xác lập chế độ sở hữu toàn dân đối với tài nguyên nước và tài sản công; quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.*	Điều có liên quan (32, 53, 54, 63) quyền sở hữu tài sản, chế độ sở hữu, quản lý tài nguyên. Hướng xử lý: Không đặt cơ chế can thiệp tài sản ngoài giới hạn được luật cho phép
2	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quy định về hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn; lập, thẩm định, phê duyệt, rà soát, điều chỉnh, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được lập riêng cho các chuyên ngành: giao thông; cấp nước; cao độ nền và thoát nước; quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành phố trực thuộc trung ương, có tính đến yêu cầu, khả năng kết nối với kết cấu hạ tầng liên quan, không gian trên mặt đất, dưới mặt đất, dưới nước và phạm vi có liên quan bên ngoài thành phố. - Thời hạn của quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được xác định trên cơ sở quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương. - Việc quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (quy hoạch cấp nước, quy hoạch thoát nước) được quy định nằm trong đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu cho thành phố, đô thị thuộc tỉnh, đô thị mới dự	Điều liên quan (3, 35) nội dung cấp, thoát nước trong quy hoạch, lưu vực và kế hoạch thực hiện. Hướng xử lý: Không tạo loại quy hoạch hoặc trình tự lấy ý kiến ngoài pháp luật quy hoạch.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		kiến thành lập thành phố, đô thị mới thuộc tỉnh, xã, khu kinh tế, khu du lịch quốc gia, đặc khu; quy định xác định chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước) thuộc quy hoạch khu chức năng; định hướng phát triển cấp nước, thoát nước tại đồ án quy hoạch chung.	
3	Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025	- Luật Xây dựng quy định về hoạt động xây dựng; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng và quản lý nhà nước về xây dựng. - Luật Xây dựng cũng quy định những vấn đề liên quan đến lập, thẩm định, quản lý, quyết định đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, thi công	Điều có liên quan (23~31, 44, 66) đầu tư xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, quản lý chất lượng và bảo trì. Hướng xử lý: Quy định yêu cầu chuyên ngành, không lặp quy trình xây dựng.
4	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023	- Luật Tài nguyên nước quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả do nước gây ra; ưu tiên khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt. - Luật Tài nguyên nước quy định bảo vệ nguồn nước; phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; Khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp phép khai thác, sử dụng nước; Quản lý lưu vực sông; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; bảo đảm an ninh nguồn nước.	Điều có liên quan (23~33, 52~61, 75~86); Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, bảo vệ nguồn nước, vùng lấy nước, nguồn cấp, hồ ao không san lấp, khai thác. hướng xử lý: Không mở ngoại lệ san lấp; phân định khai thác nước với cung cấp dịch vụ.
5	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020	- Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. - Đối với lĩnh vực cấp nước, Luật đã quy định các vấn đề về quy hoạch bảo vệ môi trường với các quy hoạch trong đó có quy hoạch cấp nước; đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường với các dự án đầu	Điều có liên quan (75~86, 111~116) Nước thải, bùn thải, quan trắc, xử lý, xả thải, sự cố môi trường. Hướng xử lý: Luật chuyên ngành tập trung trách

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		tư xây dựng trong đó có đầu tư xây dựng cấp nước. - Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, Luật quy định quản lý nước thải phát sinh từ đô thị, khu dân cư tập trung và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.	nhiệm thu gom, đấu nối, vận hành dịch vụ. Đấu nối, thu gom, xử lý và quản lý bùn thải không thay thế giấy phép và quy chuẩn môi trường.
6	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017	- Luật này quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; quản lý, khai thác công trình thủy lợi và vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi; dịch vụ thủy lợi; bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi; thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thủy lợi; trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi. - Công trình thủy lợi cũng có thể kết hợp mục đích cấp nước cho sinh hoạt, trong khi vận hành hồ chứa thủy điện, vận hành liên hồ chứa phục vụ thủy lợi và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng thì ưu tiên nguồn nước cấp cho sinh hoạt. - Công trình thủy lợi đầu mối là công trình thủy lợi ở vị trí khởi đầu của hệ thống tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, điều tiết nước hoặc công trình ở vị trí cuối của hệ thống tiêu, thoát nước.	Điều có liên quan (8, 15, 16, 18, 27, 30, 44); ranh giới hệ thống thủy lợi và thoát nước; cấp nước sinh hoạt qua công trình thủy lợi, tiêu thoát nông thôn và khu công nghiệp. Hướng xử lý: Xác định giao diện tại điểm giao nhận, ranh giới dịch vụ thủy lợi với cấp, thoát nước tại điểm giao nhận, điểm xả. Đối chiếu quy định về điểm giao nhận, điểm xả và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.
7	Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan	- Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác - Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;	Điều có liên quan (19, 26); Phòng ngừa, ứng phó thiên tai, chống ngập đô thị. Hướng xử lý: Chỉ quy định nghĩa vụ đặc thù của hệ thống thoát nước.
8	Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024	Luật Đất đai quy định về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của	Điều có liên quan (9, 29, 72) quỹ đất, hành lang và không gian dành cho hạ

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		công dân, người sử dụng đất đối với đất đai Luật quy định nhóm đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm đất xây dựng công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Đây là cơ sở pháp lý để giao đất, cho thuê đất và quản lý quỹ đất phục vụ đầu tư các công trình cấp nước, thoát nước	tầng. Hướng xử lý: Không bổ sung cơ chế thu hồi, hạn chế quyền sử dụng đất trái Luật Đất đai.
9	Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025	- Quy hoạch quy định hệ thống quy hoạch; việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch; quản lý nhà nước về hoạt động quy hoạch. - Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trong đó có cấp nước và thoát nước, phải được tích hợp trong các cấp quy hoạch như quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị, nông thôn	Điều có liên quan (27, 40), hệ thống quy hoạch và tính thống nhất quy hoạch. Hướng xử lý: Nội dung kỹ thuật xác định theo cấp quy hoạch, không lặp thủ tục.
10	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15	Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ chế quản lý, phát triển và ứng dụng kết quả nghiên cứu; liên quan đến đổi mới công nghệ, quản lý và vận hành hệ thống cấp, thoát nước. Không sử dụng mục này để dẫn quy định phân cấp ngân sách.	Khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Hướng xử lý: Chỉ dẫn chiếu chính sách.
11	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025	Quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Có liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp cấp nước, thoát nước có vốn nhà nước và cơ chế quản lý, đầu tư, bảo toàn vốn.	Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp cấp, thoát nước. Hướng xử lý: Tôn trọng thẩm quyền và cơ chế quản lý vốn nhà nước.
12	Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025	- Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng là các ngành nghề được ưu đãi đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư	Điều 15 liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh, tiêu chí lựa chọn đơn vị. Hướng xử lý: Không tạo điều kiện kinh doanh không đúng quy định.
13	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017,	- Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng: Quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng; đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng;	Có 8 Điều có liên quan (74-77, 79, 80, 95, 96);

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và các văn bản có liên quan	Quyền và nghĩa vụ của đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng - Hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng - Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng - Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng	chủ thể quản lý, khai thác và chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng. Hướng xử lý: Phân biệt hợp đồng vận hành và hình thức khai thác tài sản công; Bàn giao, quản lý tài sản và trách nhiệm duy trì dịch vụ. Phân biệt quản lý vận hành dịch vụ với quản lý, khai thác tài sản công
14	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015	- Chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt trên đất liền trước khi thải xuống biển phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. - Việc bố trí các điểm xả nước thải đã được xử lý xuống biển phải được xem xét trên cơ sở điều kiện tự nhiên của khu vực xả nước thải; các điều kiện động lực, môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên và hiện trạng khai thác, sử dụng vùng biển. Các điểm xả nước thải ra khu bảo tồn biển, khu vực bãi tắm, danh lam, thắng cảnh ven biển phải được đánh giá, xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	Điều 46 liên quan thoát nước ven biển, xả thải và phối hợp quản lý. Hướng xử lý: Không chồng lấn quản lý tài nguyên biển.
15	Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; Luật số 44/2013/QH13 chỉ dùng để tổng kết thời kỳ trước và đối chiếu chuyển tiếp.	- Tài nguyên được quy định của Luật này phải được quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. - Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao khai thác, sử dụng tài nguyên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, biện pháp để khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. - Quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên nước của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch; đúng mục đích đảm bảo tiết kiệm....	Nội dung liên quan: hiệu quả đầu tư, quản lý tài sản, sử dụng tài nguyên và chi phí dịch vụ. Hướng xử lý: áp dụng pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; không đặt cơ chế riêng trùng lặp trong Luật Cấp, thoát nước.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
16	Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009	Quy định nước thiên nhiên bao gồm nước mặt và nước dưới đất là đối tượng chịu thuế; Quy định mức thuế suất đối với nước thiên nhiên sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh	Thuế tài nguyên trong cơ cấu chi phí đầu vào. Hướng xử lý: Đưa chi phí hợp pháp vào phương án giá, không đặt thuế mới
17	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung, được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 81/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026.	Trong thời kỳ tổng kết, Luật PPP năm 2020 quy định cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải-thuộc các lĩnh vực đầu tư PPP. Theo khoản 1 Điều 4 của Luật đã được sửa đổi, bổ sung tại Văn bản hợp nhất số 81/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026, dự án PPP được thực hiện trong các ngành, lĩnh vực đầu tư công nhằm đầu tư, xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ công. Việc lựa chọn dự án cấp, thoát nước thực hiện điều kiện, trình tự và loại hợp đồng phù hợp của Luật PPP.	Điều có liên quan (4, 79, 80) lĩnh vực PPP, hợp đồng, phân chia rủi ro, doanh thu, thanh toán. Hướng xử lý: Chỉ bổ sung yêu cầu kết quả dịch vụ, không lặp pháp luật PPP.
18	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024	Quy định quản lý nhà nước về đầu tư công, kế hoạch đầu tư công, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và quản lý vốn đầu tư công; là căn cứ đối với dự án hạ tầng cấp, thoát nước sử dụng vốn đầu tư công.	Rà soát quy định hiện hành và chuyển tiếp đối với việc bố trí vốn cho hạ tầng cấp, thoát nước. Rà soát nguồn vốn và thứ tự ưu tiên đầu tư. Hướng xử lý: Đối chiếu bản luật hiện hành và quy định chuyển tiếp.
19	Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (văn bản áp dụng trong thời kỳ trước; được liệt kê để phục vụ tổng kết lịch sử thi hành, không dùng làm căn cứ pháp luật hiện hành)	Luật này quy định về việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Luật tập trung vào các nội dung chính như: các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư công và thống nhất các tiêu chí phân loại dự án, điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công; Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình dự án đầu tư công; Việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công; Triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra	VBPL giai đoạn trước; không dùng làm căn cứ pháp luật hiện hành

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		kế hoạch đầu tư công và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công.	
20	Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023	Luật Giá quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước. Theo quy định của Luật Giá, nhà nước quy định khung giá nước sạch và mức giá cụ thể đối với nước sạch sinh hoạt, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.	Điều có liên quan (21, 22, 23) thẩm quyền định giá, giá nước sạch, dịch vụ thoát nước và bán buôn liên tỉnh. Hướng xử lý: Không tạo tầng hướng dẫn phương pháp giá trái luật chung. Các yếu tố chuyên ngành không thay thế thẩm quyền, phương pháp, trình tự định giá theo Luật Giá.
21	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024	- Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước, trừ nhà máy nước, nhà máy sản xuất năng lượng phải hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng, bố trí kinh phí và tổ chức di dời công trình. - Quy định công trình cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước, trừ nhà máy nước, nhà máy sản xuất năng lượng được xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.	Điều có liên quan (13, 19); bảo vệ, di dời, hoàn trả công trình trong phạm vi đường bộ. Hướng xử lý: rà soát quy định về di dời
22	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản có liên quan	- Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty. - Mở rộng mức độ và phạm vi quyền của cổ đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, hạn chế người quản lý hoặc cổ đông lớn lạm dụng địa vị, quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và cổ đông nhỏ; Bổ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết đa dạng hóa thêm sản phẩm giao dịch cho thị trường chứng khoán,	Điều có liên quan (7, 8, 9, 134, 135) quyền doanh nghiệp, nghĩa vụ hợp đồng, chủ thể cung cấp dịch vụ. Hướng xử lý: Tránh áp đặt điều kiện hoặc hạn chế hoạt động không có căn cứ

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		đa dạng hóa nguồn vốn cho sản xuất, đầu tư kinh doanh; Bổ sung quy định về chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần (thay vì chỉ được chuyển đổi thành công ty TNHH như quy định hiện hành),… và đặc biệt nhằm nâng cao hiệu lực quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp có sở hữu nhà nước, Luật đã sửa đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước để xác định rõ loại doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu hơn 50% (đến dưới 100% vốn điều lệ); Việc này sẽ làm thay đổi cách thức và phương thức quản lý, giám sát đối với các công ty cấp nước có sở hữu của Nhà nước trên 50%.	
23	Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Nội dung về chất lượng nước dùng cho mục đích sinh hoạt được xem xét trong mối liên hệ với pháp luật về bảo vệ sức khỏe, an toàn thực phẩm và các quy chuẩn chuyên ngành. Kiến nghị hoàn thiện tập trung vào trách nhiệm kiểm soát chất lượng trong chuỗi cung cấp dịch vụ, phối hợp kiểm tra, thông tin cho người sử dụng và xử lý khi chất lượng không đáp ứng yêu cầu.	Nội dung liên quan an toàn chất lượng nước sạch sinh hoạt. Hướng xử lý: Dẫn chiếu pháp luật về y tế, quy chuẩn nước sinh hoạt
24	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014	Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thuỷ nội địa, bảo vệ luồng giao thông đường thủy: Liên quan đến xây dựng công trình thu nước, xả nước trên sông	Điều liên quan (14,15,16) công trình hạ tầng giao cắt luồng đường thủy. Hướng xử lý: Chỉ quy định phối hợp bảo vệ và kết nối hạ tầng.
25	Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14 Ngày 17/6/2020	Nội dung liên quan đến xây dựng công trình cấp nước, thoát nước trong phạm vi bảo vệ đê điều; Vùng thoát lũ sông.	Nội dung liên quan vận hành tiêu thoát, kết nối với công trình đê điều. Hướng xử lý: Không thay thế thẩm quyền quản lý đê điều.
26	Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 (đối chiếu hiệu	Nội dung liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện trong quản lý, thi công công trình cấp thoát nước; Quy định thỏa thuận với cơ quan quản lý điện lực khi xây dựng, cải tạo và mở rộng công trình công	Nội dung liên quan bảo đảm nguồn điện, cấp điện dự phòng hệ thống thiết

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	lực và văn bản sửa đổi, bổ sung tại thời điểm trình)	cộng hoặc công trình khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện, chủ đầu tư phải phối hợp với đơn vị điện lực để giải quyết	yếu. Hướng xử lý: Điều chỉnh nghĩa vụ dự phòng tại đơn vị vận hành, không sửa chế độ cấp điện.
27	Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015	Luật này quy định về Danh mục phí, lệ phí; người nộp phí, lệ phí; tổ chức thu phí, lệ phí; nguyên tắc xác định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí; thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong quản lý phí, lệ phí.	Nội dung liên quan: phân định phí bảo vệ môi trường và giá dịch vụ. Hướng xử lý: tránh quy định chồng khoản thu.
28	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017	Quy định đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bao gồm cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch;	Nội dung liên quan đất lâm nghiệp, bảo vệ nguồn nước và công trình. Hướng xử lý: không bổ sung cơ chế chuyển mục đích sử dụng rừng
29	Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; Luật số 38/2019/QH14 được sử dụng để tổng kết giai đoạn trước và xác định trường hợp chuyển tiếp	Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.	Nội dung liên quan thuế, hạch toán nguồn thu từ dịch vụ. Hướng xử lý: không quy định lại thủ tục thuế.
30	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 ngày 17/6/2003	Công trình biên giới là công trình được xây dựng để cố định đường biên giới quốc gia, công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân định cư ở khu vực biên giới.	Nội dung liên quan dịch vụ ở khu vực biên giới. Hướng xử lý: tuân thủ quy định bảo vệ biên giới.
31	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015	Bảo đảm an toàn trong trường hợp cây cối, công trình có nguy cơ gây thiệt hại và Quy định Bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra	Nội dung liên quan quyền tài sản, bồi thường, hợp đồng dịch vụ. Hướng xử

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
			lý: bảo đảm quyền chủ sở hữu và cơ chế bồi thường dân sự.
32	Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018	Nội dung liên quan đến Đo đạc, thành lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm làm cơ sở thực hiện các dự án Cấp thoát nước	Điều có liên quan (29, 30) nội dung liên quan: dữ liệu không gian công trình, bản đồ số. Hướng xử lý: kế thừa chuẩn dữ liệu không gian dùng chung , dữ liệu chuyên ngành, kết nối chia sẻ và bảo vệ dữ liệu
33	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010	Luật này quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chính sách, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	Nội dung liên quan tiết kiệm điện, năng lượng trong vận hành. Hướng xử lý: chỉ đặt mục tiêu quản lý hiệu quả.
34	Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010	Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường.	Nội dung liên quan chi phí bảo vệ môi trường và nghĩa vụ thuế. Hướng xử lý: không nhầm thuế môi trường với giá dịch vụ.
35	Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020	Quy định Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước; Các biện pháp yêu cầu khắc phục hậu quả	Điều liên quan (24, 28) hành vi cấm, xử lý vi phạm, biện pháp khắc phục. Hướng xử lý: Không lập chế tài ngoài khuôn khổ pháp luật xử phạt.
36	Luật Tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025	Quy định vị trí, chức năng của Chính phủ; Cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ; Nhiệm kỳ của Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ; và Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ.	Nội dung liên quan thẩm quyền và trách nhiệm của Chính phủ, Bộ ngành.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
			Hướng xử lý: không làm thay đổi cơ chế tổ chức bộ máy.
37	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025	Luật này quy định về đơn vị hành chính và tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính. Quy định phân cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện cung ứng dịch vụ công	Điều có liên quan (11, 12) phân định chính quyền địa phương, thẩm quyền HĐND và UBND; giao nhiệm vụ chuyên môn cấp tỉnh. Hướng xử lý: Gắn cơ chế hỗ trợ ngân sách với quyền quyết định của địa phương. Phân quyền, phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý của địa phương
38	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023	Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	Nội dung liên quan hợp đồng theo mẫu, quyền khách hàng, khiếu nại. Hướng xử lý: giữ quyền đặc thù ngành, tuân thủ luật người tiêu dùng.
39	Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019	Luật này quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phiếu trong các đợt đấu giá chứng khoán chào bán ra công chúng, các đợt chào bán khi chuyển nhượng vốn nhà nước hoặc vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác.	Điều 35 liên quan huy động vốn qua thị trường chứng khoán. hướng xử lý: Chỉ nêu bối cảnh, không đặt cơ chế phát hành mới.
40	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung (kiểm tra hiệu lực tại thời điểm trình)	Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; đấu thầu cung cấp dịch vụ và các phương thức lựa chọn theo luật chuyên ngành.	Nội dung liên quan lựa chọn nhà đầu tư, đấu thầu, đặt hàng vận hành. Hướng

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
			xử lý: không tạo thủ tục lựa chọn vùng phục vụ ngoài luật hiện hành. Lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu tuân thủ pháp luật về đấu thầu. Không tạo thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu ngoài pháp luật đấu thầu.
41	Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan	Thẩm quyền quyết định dự toán, nguồn kinh phí, hỗ trợ cung cấp dịch vụ công.	Nội dung liên quan dự toán, hỗ trợ, thanh toán ngân sách địa phương. Hướng xử lý: quyền quyết định ngân sách theo luật ngân sách và HĐND.
42	Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành	Quản trị, kết nối, chia sẻ dữ liệu; thẩm quyền và quyền đối với dữ liệu.	Nội dung liên quan quyền dữ liệu, quản lý, chia sẻ và dùng lại dữ liệu. Hướng xử lý: dẫn chiếu chế độ pháp luật dữ liệu, không lặp kỹ thuật. Dữ liệu chuyên ngành phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.
43	Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15	An ninh mạng đối với hệ thống điều khiển, hạ tầng thông tin thiết yếu.	Nội dung liên quan bảo vệ hệ thống điều khiển, thông tin công trình trọng yếu. Hướng xử lý: chỉ bổ sung yêu cầu liên tục dịch vụ

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
			khi có sự cố số.
44	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15	Bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng, người sử dụng dịch vụ trong hoạt động số hóa.	Nội dung liên quan thông tin khách hàng, dữ liệu vận hành có yếu tố cá nhân. Hướng xử lý: không lập chế độ bảo vệ dữ liệu cá nhân riêng. Dữ liệu chuyên ngành phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.
45	Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung	Giao dịch, hồ sơ, chứng từ và thông báo điện tử.	Nội dung liên quan báo cáo, hợp đồng và chia sẻ thông tin điện tử. Hướng xử lý: chỉ công nhận sử dụng hồ sơ số theo luật chung.
46	Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026	Quy định về chuyển đổi số, hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và tổ chức thực hiện chuyển đổi số.	Đối chiếu Điều 50-53 dự thảo Luật về hệ thống thông tin, quản trị dữ liệu và vận hành số; kế thừa nền tảng, dữ liệu hiện có, xác định lộ trình và nguồn lực, không xây dựng hệ thống trùng chức năng.
47	Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và văn bản sửa đổi, bổ sung	Chuyển giao, thẩm định, lựa chọn và tiếp nhận công nghệ.	Nội dung liên quan lựa chọn công nghệ, thử nghiệm và đánh giá. Hướng xử lý: không lặp trình tự chuyển giao công

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
			nghệ.
48	Luật Đo lường số 04/2011/QH13 và văn bản sửa đổi, bổ sung	Đo đếm sản lượng, kiểm định phương tiện đo, quyền khách hàng sử dụng dịch vụ.	Nội dung liên quan đồng hồ nước và tranh chấp kết quả đo đếm. Hướng xử lý: dẫn chiếu kiểm định và quyền kiểm tra theo luật đo lường.
49	Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản số 15/2008/QH12 và văn bản sửa đổi, bổ sung	Trưng dụng tài sản ngoài sở hữu nhà nước và bảo đảm quyền của chủ sở hữu.	Nội dung liên quan duy trì dịch vụ tạm thời, sử dụng tài sản ngoài công. Hướng xử lý: không cho phép cưỡng chế sử dụng tài sản tư ngoài trình tự luật.
50	Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia số 32/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 và văn bản hướng dẫn thi hành	Xác định chế độ bảo vệ đối với công trình quan trọng; tránh tạo phân loại chồng lấn.	Nội dung liên quan phân loại bảo vệ công trình nước đặc biệt quan trọng. Hướng xử lý: không tạo hai chế độ phân loại, bảo vệ chồng lấn.
51	Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15	Nguồn nước, công trình cấp nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy và phối hợp cứu nạn, cứu hộ.	Nội dung liên quan nguồn nước phục vụ chữa cháy và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước. Hướng xử lý: dẫn chiếu pháp luật PCCC; không giao nghĩa vụ không có căn cứ.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
II	**Nghị định của chính phủ**		
1	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	- Nghị định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam. - Tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, các nội dung về quy hoạch cấp nước đô thị đã được làm rõ, bao gồm: lập nhiệm vụ, căn cứ lập nhiệm vụ, nội dung của quy hoạch cấp nước đô thị, trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch cấp nước đô thị,... - Các công ty cấp nước đã bước đầu chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước thực hiện tính giá tiêu thụ nước sạch theo nguyên tắc tính đúng tính đủ các yếu tố chi phí từ đầu tư đến quản lý vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần tiết kiệm sử dụng nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. - Việc thỏa thuận dịch vụ cấp nước giữa UBND và đơn vị cấp nước được quy định cụ thể (vùng phục vụ cấp nước, định hướng kế hoạch phát triển cấp nước, nguồn tài chính dự kiến để thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước, giá nước, lộ trình, các nguyên tắc điều chỉnh giá nước,...), các đơn vị cấp nước đô thị trên cả nước đã hoàn thành việc ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng sử dụng nước. - Nghị định số 117/2007/NĐ-CP xác định vai trò quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách về lĩnh vực cấp nước và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động cấp nước của các Bộ ngành. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức và phát triển cấp nước trên địa bàn thông qua: tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch cấp nước theo thẩm quyền; triển khai các dự án đầu tư cấp nước …	Điều 15, Điều 23, Điều 33, Điều 41-44: vùng phục vụ, cấp nước an toàn và quan hệ dịch vụ; phân biệt cơ chế hiện hành với phương án của dự thảo.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
2	Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014	- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp. Nghị định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. - Tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, các nội dung về quy hoạch thoát nước đô thị đã được làm rõ, bao gồm: lập nhiệm vụ, căn cứ lập nhiệm vụ, nội dung của quy hoạch thoát nước đô thị, trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước đô thị. - Quy định hoạt động quản lý thoát nước địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt, quy định cụ thể (Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Hệ thống thoát nước của địa phương; Xác định chủ sở hữu; Tiêu chuẩn dịch vụ, quy định về đấu nối và miễn trừ đấu nối; trách nhiệm và quyền của chủ đầu tư, của hộ thoát nước; nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đấu nối, các chính sách hỗ trợ của địa phương về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước; Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng; Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại; Xử lý nước thải tập trung, phi tập trung; Đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước; Hợp đồng quản lý, vận hành; Trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn; Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan), đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương. - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP xác định vai trò quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách về lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các Bộ ngành. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức và phát	Điều 16, Điều 34-40, Điều 45-49: quản lý hệ thống, đấu nối, hợp đồng, giá và nguồn thu; không lặp yêu cầu thuộc pháp luật môi trường.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		triển thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thông qua: tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thoát nước theo thẩm quyền; triển khai các dự án đầu tư thoát nước và đấu thầu vận hành….	
3	Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007	Theo đó Nghị định số 124/2011/NĐ-CP đã điều chỉnh, bổ sung khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư như miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình cấp nước, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào như cấp điện, đường, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án cấp nước tại các đô thị,...	Điều 15, Điều 23, Điều 33, Điều 41-44: vùng phục vụ, cấp nước an toàn và quan hệ dịch vụ; phân biệt cơ chế hiện hành với phương án của dự thảo.
4	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	- Nghị định này quy định mức hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng các dự án nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ 03 triệu đ/m^3/ngày đêm cho xây mới hoặc 02 triệu đ/m^3/ngày đêm cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch; tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên. Dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn được hỗ trợ 60% chi phí mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý, mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án. - Cơ chế hỗ trợ, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư khi hạng mục đầu tư của dự án hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.	Điều 6, Điều 17, Điều 26: hỗ trợ công trình nông thôn; kiểm soát thủ tục hưởng hỗ trợ và tránh tính trùng nguồn hỗ trợ.
5	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Nghị định quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo quy định tại Nghị định này chỉ có dịch vụ cung cấp nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đặt hàng (dịch vụ cấp nước đô thị không phải là dịch vụ, sản phẩm công ích). Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là sản phẩm, dịch vụ công ích thực	Điều 25, Điều 42, Điều 45: giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo nguồn kinh phí và pháp luật về cung cấp dịch vụ công. Không tạo thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		hiện theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng.	ngoài pháp luật đấu thầu.
6	Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Theo quy định tại Nghị định này, quy hoạch cấp nước, quy hoạch thoát nước chỉ được lập riêng cho các thành phố trực thuộc Trung ương và nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước được xác định trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng và quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn.	Điều 12-13: dùng hệ thống quy hoạch hiện hành; kế hoạch cấp tỉnh là công cụ tổ chức thực hiện, không thay thế quyết định đầu tư.
7	Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, tổ chức thu phí, người nộp phí, các trường hợp miễn phí, mức thu phí, xác định số phí phải nộp, kê khai nộp phí, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	Khoản 2 Điều 49: phân định phí bảo vệ môi trường với giá dịch vụ; đúng đối tượng, trường hợp miễn phí và tổ chức thu.
8	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, thẩm định, thiết kế, giấy phép, năng lực hoạt động xây dựng và các yêu cầu đối với dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước. Nghị định này thay thế cơ bản Nghị định số 15/2021/NĐ-CP trong quản lý hoạt động xây dựng.	Điều 21, Điều 27-28: đầu tư, nghiệm thu, bàn giao, bảo trì theo pháp luật xây dựng; yêu cầu chuyên ngành được lồng ghép.
9	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Nội dung liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trong Nghị định này chủ yếu tập trung vào yêu cầu về bảo vệ môi trường, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý) đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất của làng nghề, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.	Điều 38-40: xử lý nước thải, bùn thải và tái sử dụng theo pháp luật môi trường; không cấp phép xả thải riêng.
10	Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá	Nội dung liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trong Nghị định này điều chỉnh trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước, giá nước sạch.	Điều 47-49: áp dụng đúng phương pháp, thẩm quyền, trình tự định giá theo pháp luật về giá.
11	Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định	- Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý; bao gồm: Tài sản kết	Điều 27-28, Điều 57: đối tượng, hình thức giao và

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Văn bản được xem xét theo thời kỳ áp dụng và quy định chuyển tiếp.	cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quy định c ụ thể như sau: + Ở phạm vi nông thôn tập trung, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao cho: Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. + Ở phạm vi đô thị, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao cho: Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. - Ngoài ra Nghị định còn quy định chi tiết hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như: ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập, ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp có vốn nhà nước, Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án khai thác: Bán tài sản theo hình thức đấu giá, cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn.	khai thác tài sản, bàn giao dữ liệu; đối chiếu quy định hiện hành và chuyển tiếp.
12	Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần	Nghị định này quy định việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Trong đó có các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.	
13	Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật	Nghị định này quy định về hoạt động phòng cháy và chữa cháy, tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, kinh phí bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa	Điều 23, Điều 31, Điều 44: nguồn nước và phối hợp chữa cháy; văn bản cũ

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi một số điều của luật phòng cháy chữa cháy; đối chiếu Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 đối với nội dung hiện hành.	cháy, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Quy định về danh mục các công trình xin ý kiến hoặc thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy tại cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về PCCC	dùng tổng kết, nội dung hiện hành theo Luật số 55/2024/QH15 và văn bản hướng dẫn.
14	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
15	Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Quy định chi tiết về bảo vệ, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, khai thác nước và các nội dung liên quan trực tiếp với hoạt động cấp nước.	Điều 2, chương III. Đối chiếu quyền khai thác, bảo vệ nguồn nước và khu vực không được san lấp theo pháp luật tài nguyên nước.
16	Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ	Quy định chi tiết và sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; có liên quan trực tiếp đến lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, trong đó có cấp nước, cao độ nền và thoát nước.	
17	Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính Phủ về quy định xử phạt hành chính về xây dựng	Quy định các vi phạm trong lĩnh vực cấp, thoát nước	Mục 1, chương IV
18	Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh	Quy định phát triển đô thị thông minh, quản trị dữ liệu đô thị, hạ tầng số, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết nối và chia sẻ dữ liệu; có liên quan đến cơ sở dữ liệu, số hóa và quản lý thông minh hệ thống cấp, thoát nước.	Điều 50-53: kế thừa nền tảng, kết nối dữ liệu và vận hành số; không đầu tư hệ thống trùng lặp.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
III	**Quyết định, chỉ thị của Thủ tướng**		
1	Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020	Nêu rõ việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, trong đó có sự tham gia của cộng đồng vào vận hành, bảo dưỡng, quản lý và kinh doanh các công trình, dịch vụ cấp nước sạch nông thôn; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.	
2	Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn	Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% cho các thôn, bản có từ 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trở lên; hỗ trợ 50% đối với các thôn, bản có từ 20% đến dưới 50% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các địa phương khi xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào phải bảo đảm tính bền vững và hiệu quả.	
3	Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.	Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn	
4	Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn	Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch theo hệ thống tập trung, phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
5	Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025	Với mục tiêu huy động và tập trung các nguồn lực cho hoạt động chống thất thoát, thất thu nước sạch, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân từ 30% năm 2009 xuống dưới 15% vào năm 2025.	
6	Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt"	Với mục tiêu huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trong đó ưu tiên khai thác nguồn vốn đầu tư của thành phần kinh tế tư nhân để giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư.	
7	Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050	Mục tiêu của điều chỉnh định hướng là từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển hệ thống thoát nước theo từng giai đoạn; Phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải và nhà máy xử lý nước thải theo từng giai đoạn, phù hợp với quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, phát huy tối đa công suất thiết kế các nhà máy xử lý nước thải bảo đảm hiệu quả quản lý và đầu tư xây dựng; Tăng tỷ lệ đấu nối nước thải từ hộ gia đình đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải; hệ thống thoát nước được vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên và theo định kỳ.	
8	Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	Mục tiêu của Định hướng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể có tính đến biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.	
9	Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai	Mục tiêu của Chương trình thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	đoạn 2016 – 2025	đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.	
10	Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.	Theo Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được phê duyệt, trong đó tại Mục tiêu 6.1 (Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người), giao Bộ Xây dựng xây dựng Luật Cấp nước và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.	
11	Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020	Quyết định này thay thế Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó các doanh nghiệp cấp nước nằm trong danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước dùng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục III).	
12	Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn.	Mục tiêu của Đề án nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong Đề án này, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì Nghiên cứu xây dựng Luật Cấp, thoát nước.	
13	Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022	Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	
14	Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 về Phê duyệt chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Quy định về cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý nước thải tại khu vực nông thôn. Quy định trách nhiệm Bộ xây dựng chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về nước	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
		sạch nông thôn	
15	Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi	Quy định về những doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu, thoái vốn, nhà nước nắm giữ 100%, trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực Khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch đô thị, nông thôn	
16	Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 về phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025	Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 theo các hình thức: duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cổ phần hóa, sắp xếp lại (bao gồm hình thức sáp nhập, giải thể); chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025. Danh mục sắp xếp các công ty quản lý cấp nước, thoát nước theo phụ lục kèm theo Quyết định	
17	Quyết định số 294/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 – 2030	Đề xuất một số chỉ tiêu liên quan đến Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong nội dung quy hoạch	
18	Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	
19	Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn liên tục.	Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch an toàn, liên tục cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chủ động ứng phó với điều kiện biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và nâng cao chất lượng sống của người dân.	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
IV	**Thông tư**		
1	Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch	Thông tư hướng dẫn một số nội dung cụ thể về chất lượng nước sạch, quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng, quy hoạch cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, xác định vùng phục vụ cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, đấu nối, hợp đồng dịch vụ cấp nước, kiểm định thiết bị đo đếm nước và các vấn đề liên quan khác của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.	Điều 15, Điều 23, Điều 33, Điều 41-44: vùng phục vụ, cấp nước an toàn và quan hệ dịch vụ; phân biệt cơ chế hiện hành với phương án của dự thảo.
2	Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.	Thông tư đã nhấn mạnh "cấp nước an toàn là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định". Đây là một nội dung khá tiên tiến và đặc trưng cho ngành cấp nước đô thị Việt Nam: cấp nước an toàn không chỉ nhằm mục tiêu về chất lượng nước mà còn đảm bảo các chất lượng dịch vụ khác như áp lực và tính liên tục. Các hoạt động bảo đảm cấp nước có mục đích "nhằm giảm thiểu, loại bỏ, phòng ngừa các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước". Bảo đảm cấp nước an toàn cũng được gắn liền với tiết kiệm tài nguyên và chống thất thoát nước.	Điều 33: đối chiếu thẩm định, phê duyệt kế hoạch hiện hành với phương án cơ quan nhà nước thẩm định, đơn vị cấp nước phê duyệt theo mức độ rủi ro.
3	Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải	Thông tư hướng dẫn một số nội dung cụ thể về quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, quản lý bùn thải bể tự hoại, quản lý sử dụng nước thải sau xử lý, mẫu hợp đồng quản lý, vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước.	Điều 16, Điều 34-40, Điều 45-49: quản lý hệ thống, đấu nối, hợp đồng, giá và nguồn thu; không lặp yêu cầu thuộc pháp luật môi trường.
4	Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá	Thông tư này hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch trên cơ sở đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính xem xét,	Điều 47: nội dung chuyên ngành, giá bán buôn và bán lẻ; giữ thẩm quyền định giá theo pháp luật về

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch	hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Giá	giá.
5	Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước. Thông tư số 13/2018/TT-BXD đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2026/TT-BXD ngày 30/9/2026, có hiệu lực cùng ngày; việc đối chiếu phương pháp định giá dịch vụ thoát nước phải sử dụng nội dung đã được sửa đổi, bổ sung.	Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) cho các loại hệ thống thoát nước để làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu dân cư nông thôn tập trung.	Điều 48-49: chi phí chuyên ngành thoát nước, phạm vi dịch vụ và nguồn thu; dùng nội dung được sửa đổi, bổ sung.
6	Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về công trình thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung bao gồm các yêu cầu phải đáp ứng trong hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành công trình.	
7	Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.	Thông tư này hướng dẫn về: (1) Quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh và kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m^3/ngày đêm trở lên; (2) Việc thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình khu vực nông thôn.	Điều 17, Điều 33: phân biệt kế hoạch cấp tỉnh và kế hoạch công trình nông thôn; đánh giá phạm vi bổ sung thẩm định, không áp dụng đồng loạt.
8	Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích	Thông tư này ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo	Điều 31, Điều 33, Điều 41: chất lượng nước, nội kiểm, ngoại kiểm và phòng thử nghiệm theo pháp luật y tế.

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	sinh hoạt.	hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước. Nội kiểm, ngoại kiểm, kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.	
9	Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.	- Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là tài sản cố định (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2022/NĐ-CP). - Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, trích khấu hao thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng cho doanh nghiệp; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.	
10	Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	Ban hành QCVN 07:2023/BXD, trong đó QCVN 07-1:2023/BXD về công trình cấp nước và QCVN 07-2:2023/BXD về công trình thoát nước; có hiệu lực từ 01/7/2024 và thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BXD.	
11	Thông tư số 42/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD	Sửa đổi QCVN 07:2023/BXD, trong đó có Sửa đổi 1:2025 QCVN 07-1:2023/BXD - Công trình cấp nước; áp dụng cùng QCVN 07:2023/BXD đối với các nội dung không sửa đổi.	
12	Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT-BXD-BCA ngày 10/4/2009 (tài liệu lịch sử thi hành; không dùng làm căn cứ hiện hành	Tổng kết việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy trong giai đoạn áp dụng văn bản. Nội dung hiện hành đối chiếu Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, văn bản quy định chi tiết và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.	Tài liệu lịch sử; yêu cầu cấp nước chữa cháy hiện hành đối chiếu Luật số 55/2024/QH15 và quy

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	trong dự thảo Luật)		chuẩn, văn bản hướng dẫn tương ứng.
13	Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho nhà và công trình	Quy định về Cấp nước chữa cháy: - Cấp nước chữa cháy ngoài nhà: an toàn cháy với cấp nước ngoài nhà, an toàn cháy đối với lưu lượng chữa cháy ngoài nhà; số đám cháy đồng thời; an toàn cháy đối với mạng lưới đường ống và công trình xây dựng; yêu cầu với bồn, bể trữ nước, điểm lấy nước bên ngoài nhà - Họng nước chữa cháy ngoài nhà: Quy định về vị trí đặt, khoảng cách, lưu lượng, áp lực - Trạm bơm cấp nước chữa cháy: Quy định về máy bơm cấp nước chữa cháy trong Trạm bơm thuộc nhà máy xử lý nước.	
14	Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường ngày 25/10/2013 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường	Ban hành 08 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trong đó có QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.	
15	Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 (văn bản lịch sử đã hết hiệu lực); nội dung hiện hành đối chiếu Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan	Xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và hoạt động trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Đảm bảo ngăn ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nước của công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các chức năng khác của nguồn nước.	Điều 3, Điều 20, Điều 33: vùng bảo hộ vệ sinh theo pháp luật tài nguyên nước; không dùng văn bản hết hiệu lực làm căn cứ hiện hành.
16	Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao	Quy định về xây dựng đường ống cấp nước, thoát nước trong hành lang bảo vệ đường bộ	

TT	Tên, số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản	Nội dung chính có liên quan	Nội dung đối chiếu
	thông đường bộ		
17	Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 (văn bản lịch sử đã hết hiệu lực); nội dung hiện hành đối chiếu Luật Tài nguyên nước, văn bản quy định chi tiết và Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT ngày 10/11/2025	Phân biệt nghĩa vụ quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước với cấu trúc, chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. Dữ liệu khai thác, chất lượng nguồn nước phục vụ cấp nước được kết nối, sử dụng lại theo Điều 50-51 dự thảo Luật; không coi Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT là văn bản thay thế toàn bộ các yêu cầu quan trắc, giám sát.	Điều 50-51: kết nối, tái sử dụng dữ liệu tài nguyên nước; phân biệt yêu cầu quan trắc với chuẩn dữ liệu hiện hành. Đối chiếu quyền khai thác, bảo vệ nguồn nước và khu vực không được san lấp theo pháp luật tài nguyên nước.
18	Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo Luật Tài nguyên nước 2023 và Nghị định số 53/2024/NĐ-CP; liên quan đến bảo vệ nguồn nước phục vụ cấp nước và quản lý không gian ven nguồn nước.	

Phụ lục 2. Rà soát, đánh giá chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật Cấp, thoát nước

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BXD ngày /10/2026 của Bộ Xây dựng)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự án Luật

NHÓM NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Phát triển hệ thống; quản lý, vận hành và an toàn; đầu tư, tài chính, dịch vụ; quản	(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Nghị quyết số 22/ĐH ngày 23/01/2026); (2) Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;	Các chủ trương, đường lối của Đảng là định hướng cho việc bảo đảm cung cấp nước sạch an	Tiếp tục thể chế hóa trong dự thảo Luật những nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và thẩm quyền chuyên ngành; bảo đảm phù hợp các quy định pháp luật về

lý nhà nước và dữ liệu.	(3) Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. (4) Kết luận số 224-KL/TW, ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; (6) Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; (7) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (8) Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (9) Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; (10) Kết luận số 09-KL/TW, ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (11) Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ hạ tầng thiết yếu, bảo vệ môi trường, quản lý rủi ro thiên tai và huy động nguồn lực. Kết quả thi hành pháp luật cho thấy yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý, gắn đầu tư với chất lượng và tính liên tục của dịch vụ.	quy hoạch, tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ môi trường, đầu tư, tài chính và tổ chức bộ máy.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật

NHÓM NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Phát triển hệ thống, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và vùng phục vụ	**1. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025** - Điểm a Khoản 2 Điều 1 (Luật 144). Các loại quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: đ) Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố. - Khoản 1, 2 Điều 35. Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố 1. Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được lập riêng cho các chuyên ngành: giao thông; *cấp nước; cao độ nền và thoát nước;* quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành phố trực thuộc trung ương, có tính đến yêu cầu, khả năng kết nối với kết cấu hạ tầng liên quan, không gian trên mặt đất, dưới mặt đất, dưới nước và phạm vi có liên quan bên ngoài thành phố. 2. *Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật* bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Xác định yêu cầu, nội dung theo quy hoạch chung thành phố đã được phê duyệt; b) Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng về xây dựng và phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; c) Xác định mục tiêu quy hoạch, nhu cầu sử dụng; dự báo, xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, nhu cầu sử dụng đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật; d) Xác định vị trí, quy mô công suất, hướng tuyến, phạm vi phục vụ của các công trình hạ tầng kỹ thuật; yêu cầu về bảo vệ môi trường; đ) Xác định các giai đoạn thực hiện quy hoạch.	Các quy định về quy hoạch, xây dựng, tài nguyên nước và môi trường đã xác lập phạm vi quản lý riêng. Trong thực tiễn, khó khăn nổi bật là tổ chức thực hiện nội dung cấp, thoát nước trong quy hoạch, đồng bộ công trình đầu mối với mạng lưới, xác định vùng phục vụ và phối hợp theo lưu vực. Không hình thành loại quy hoạch mới ngoài pháp luật về quy hoạch.	Dự thảo Luật xác định trách nhiệm phát triển hệ thống đồng bộ, vùng cấp nước, vùng phục vụ và lưu vực thoát nước; kế hoạch phát triển cấp tỉnh là công cụ tổ chức thực hiện quy hoạch, lồng ghép với kế hoạch hiện có, không tạo thêm điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc thủ tục trùng lặp. Nội dung điều chỉnh tài nguyên nước, thủy lợi và quy hoạch tiếp tục theo luật tương ứng.

	2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Điều 25, Điều 29 và Điều 30. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia/ Nội dung quy hoạch vùng/Nội dung quy hoạch tỉnh "Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật" trong đó bao gồm: hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải - Phụ lục. Danh mục quy hoạch và quy hoạch chi tiết ngành: Không quy định quy hoạch chuyên ngành cấp nước, thoát nước trong Danh mục. **3. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025** Công trình cấp, thoát nước là một công trình xây dựng nên cũng chịu sự điều chỉnh toàn diện của Luật Xây dựng, cụ thể từ Điều 4 đến Điều 72.		
Đầu tư, tài sản; quản lý vận hành, an toàn và chất lượng dịch vụ	**4. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025** - Chương II. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp - Chương III. Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp **5. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công** Chương IV, Chế độ quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng (Mục 1. Quy định chung về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng từ Điều 74 đến Điều 77; Mục 3. Khai thác tài sản kết cấu Hạ tầng từ Điều 80 đến Điều 86; Mục 4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng từ Điều 87 đến Điều 94 và Mục 5. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu Hạ tầng được đầu tư theo hình thức đối tác công Điều 95, 96) **6. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025** Nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 đối với "Xây dựng và phát triển *kết cấu hạ tầng*" và "Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp; *bảo vệ môi trường,* tài nguyên thiên nhiên, kinh tế biển" **7. Luật Đầu tư theo đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung, được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 81/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026**	Pháp luật về doanh nghiệp, tài sản công, xây dựng và chuyên ngành đã điều chỉnh nhiều khâu đầu tư, quản lý vận hành. Tuy nhiên, cơ chế phân định trách nhiệm giữa chủ sở hữu, đơn vị quản lý tài sản, đơn vị cung cấp dịch vụ và khách hàng, bảo đảm liên tục dịch vụ, bảo trì theo vòng đời và phối hợp ứng phó sự cố còn cần làm rõ.	Dự thảo Luật làm rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể quản lý tài sản, đơn vị cung cấp dịch vụ và người sử dụng; nguyên tắc quản lý rủi ro, vận hành liên tục, bảo trì và kiểm soát chất lượng. Chế độ tài sản công, trình tự đầu tư, lựa chọn nhà thầu và các quy trình kỹ thuật tiếp tục tuân thủ pháp luật tương ứng và văn bản hướng dẫn.

	- Điều 69. Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP 1. Vốn nhà nước được sử dụng cho các mục đích sau đây: a) Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP; b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo hợp đồng BTL, hợp đồng BLT; thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước; Theo khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án. Trường hợp đáp ứng điều kiện tại khoản 2a, tỷ lệ có thể cao hơn nhưng không quá 70%, do cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quyết định theo khoản 2b. Điều kiện bao gồm chi phí tại điểm c khoản 1 vượt quá 50%; hoặc dự án tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn cần tỷ lệ cao hơn để bảo đảm khả thi tài chính; hoặc dự án PPP khoa học, công nghệ, dự án có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần tỷ lệ cao hơn để bảo đảm khả thi tài chính. Không áp dụng các tỷ lệ này cho mọi khoản chi của Nhà nước trong dự án; việc áp dụng phải xác định đúng cấu phần vốn, dự án thành phần và quy định chuyển tiếp. - Mục 3. Ưu đãi đầu tư (Từ điều 79 đến điều 82) Đối với hợp đồng BTL, BLT, Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo khoản 2 Điều 45 và Điều 71 Luật PPP, trong phạm vi nguồn vốn và điều kiện hợp đồng hợp pháp. Chỉ tiêu về mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ, nếu được sử dụng, phải được cụ thể hóa phù hợp trong yêu cầu chất lượng và điều kiện hợp đồng, không tạo cơ chế thanh toán độc lập hoặc áp dụng chung cho mọi loại hợp đồng PPP. Việc chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu thực hiện theo Điều 82 Luật PPP. Đối với chia sẻ phần giảm doanh thu theo khoản 2, dự án phải áp dụng hợp đồng BOT, BTO hoặc BOO, có thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật		

	làm giảm doanh thu và đáp ứng các điều kiện về điều chỉnh phương án tài chính, giá, phí hoặc thời hạn hợp đồng và kiểm toán. Cơ chế này không phải bảo lãnh doanh thu hoặc cam kết Nhà nước bù mọi khoản lỗ của dự án. Hồ sơ không đề xuất bảo lãnh thanh toán riêng. Nghĩa vụ thanh toán, chi trả phần giảm doanh thu, bồi thường và chấm dứt hợp đồng được xác định theo Điều 52, Điều 69, Điều 71, Điều 82 và hợp đồng hợp pháp, không đồng nhất với bảo lãnh thanh toán chung của Nhà nước. **8. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024** - Điều 49. Phân loại kế hoạch đầu tư công: Theo thời gian kế hoạch (Đầu tư công trung hạn 5 năm, ĐTC hàng năm); theo cấp quản lý. **9. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017** - Điều 11. Quy hoạch thủy lợi 1. Quy hoạch thủy lợi làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. 2. Quy hoạch thủy lợi bao gồm: a) Quy hoạch thủy lợi tổng hợp được lập trên phạm vi toàn quốc, vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính để giải quyết tổng hợp các vấn đề cấp, tưới, tiêu, thoát nước; phòng, chống thiên tai liên quan đến nước; b) Quy hoạch thủy lợi chuyên đề được lập trên phạm vi vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính để giải quyết một trong các vấn đề cấp, tưới, tiêu, thoát nước; phòng, chống thiên tai liên quan đến nước. 3. Quy hoạch thủy lợi vùng, quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi, quy hoạch thủy lợi theo đơn vị hành chính phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi toàn quốc, quy hoạch thủy lợi lưu vực sông. - Điều 30. Phân loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi 2 . Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm: b) Tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu vực nông		

	thôn và đô thị trừ vùng nội thị; c) Thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt. 3. Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác bao gồm: a) Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp; b) Tiêu nước cho khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao; **10. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023** - Điều 4. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước 5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phục hồi, phát triển nguồn nước; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; xử lý nước biển thành nước ngọt; thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra. - Điều 26. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt - Điều 43. Khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt - Mục 4. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (từ Điều 58 đến Điều 60). **11. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020** - Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường 2. *Xả nước thải*, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường. - Điều 7. Quy định chung về bảo vệ môi trường nước mặt 2. Nguồn thải vào môi trường nước mặt phải được quản lý phù hợp với mục đích sử dụng và khả năng chịu tải của môi trường nước mặt. - Điều 57. Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư		

	2. Khu đô thị, khu dân cư tập trung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường bao gồm: a) Mạng lưới cấp, thoát nước, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; trường hợp khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 86 của Luật này; - Điều 58. Bảo vệ môi trường nông thôn 1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường nông thôn được quy định như sau: b) Cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp; điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý; **12. Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan** - Điều 65. Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 2. Nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh bao gồm: a) Định hướng sử dụng đất được xác định trong quy hoạch tỉnh, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh; Nội dung phân bổ chỉ tiêu theo đơn vị hành chính phải đối chiếu quy định hiện hành và chuyển tiếp khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; không dùng dẫn chiếu cấp huyện của giai đoạn trước làm căn cứ giao nhiệm vụ hiện nay. d) Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp; đ) Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt,		

	gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; e) Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo các nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này; g) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất. - Điều 79. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa.		
Nguồn lực đầu tư; cơ chế giá, hỗ trợ và dịch vụ cấp, thoát nước	**13. Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023** - Điều 21. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá 1. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; d) Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua, bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh. 3. Thẩm quyền, trách nhiệm định giá được quy định như sau: a) Thủ tướng Chính phủ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến kinh tế vĩ mô, đời sống người dân; b) Bộ Tài chính định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiều ngành, lĩnh vực quản lý và ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước; c) Bộ, cơ quan ngang Bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật;	Pháp luật về giá, ngân sách, đầu tư công, PPP và đấu thầu đã tạo khuôn khổ huy động, bố trí nguồn lực. Khó khăn thực tế tập trung ở khả năng thu hồi chi phí thoát nước, kinh phí bảo trì, nghĩa vụ tài chính, việc phân chia rủi ro và mức độ khả thi của phương án thanh toán dịch vụ; cần tránh coi đây là khoảng trống luật khi quy định đã có.	Dự thảo Luật quy định nguyên tắc bảo đảm nguồn lực, trách nhiệm dịch vụ, hỗ trợ đối tượng phù hợp và công khai minh bạch; giá theo pháp luật về giá. Hợp đồng PPP, đấu thầu, ngân sách, hỗ trợ và nghĩa vụ chi trả phải phù hợp quy định hiện hành; đánh giá khả năng cân đối nguồn vốn và chi phí tuân thủ khi tổ chức thực hiện.

	d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý theo địa bàn. 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Luật này. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền. - Phụ lục số 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá 15. Nước sạch (Bộ Tài chính định khung giá; UBND cấp tỉnh định giá cụ thể) 39. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước). Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể. **14. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015** - Phụ lục số 01. Danh mục Phí, Lệ Phí + Điểm 1.1 Mục IX "Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải"		

3. Điều ước quốc tế và tài liệu định hướng có liên quan - phân biệt tính chất pháp lý

NHÓM NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Phạm vi điều chỉnh, cung cấp dịch vụ, bảo vệ môi trường và hợp tác quốc tế	Nhóm tài liệu định hướng, không phải điều ước quốc tế: Chương trình nghị sự 2030 và các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có SDG 6; chỉ sử dụng theo đúng tính chất định hướng, không coi là nghĩa vụ điều ước.	Phân biệt điều ước quốc tế có hiệu lực ràng buộc với chương trình, mục tiêu và khuyến nghị có	Dự thảo Luật xác định phạm vi hoạt động cấp, thoát nước và nguyên tắc quản lý chuyên ngành; không đặt ra

	Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 là văn bản trong nước về kế hoạch thực hiện Chương trình nghị sự 2030, không phải điều ước quốc tế. Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 là văn bản trong nước về mục tiêu phát triển bền vững, không phải điều ước quốc tế. - Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 và Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ban hành kèm theo Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 về triển khai kết quả Hội nghị COP26 là văn bản trong nước; phân biệt với điều ước quốc tế và với cam kết chính trị tại hội nghị. - Các cam kết về đầu tư, thương mại dịch vụ và môi trường trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới được Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu được Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020	tính định hướng. Việc đối chiếu các cam kết quốc tế phải căn cứ phạm vi dịch vụ cụ thể, biểu cam kết, bảo lưu và điều kiện áp dụng; không suy rộng cam kết dịch vụ thoát nước sang dịch vụ cấp nước.	nghĩa vụ trái điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các mục tiêu SDG 6 dùng để tham khảo định hướng, không xác định là điều ước quốc tế. Tiếp tục đối chiếu các cam kết theo từng lĩnh vực khi hoàn thiện hồ sơ.